

# BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT VÀ TÁM MƯƠI VẼ ĐẸP CỦA PHẬT

\*三十二相\*八十種好  
TAM THẬP NHỊ TƯỚNG – BÁT THẬP CHỦNG HẢO

*Khảo Dịch:* HT.Huyền-Tôn.

*考译:* 释玄宗 和尚

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.quangduc.com>*

*Chuyển sang ebook 16-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

## Mục Lục

### BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT

- 01/32 - Túc Hạ An Bình Lập Tướng
- 02/32 - Thiên Phúc (Bức) Luân Tướng
- 03/32 - Trường Chi Tướng. Hay, Chi Tiêm Trường Tướng
- 04/32 - Mang Vông Tướng. Tướng mạng lưới mềm
- 05/32 - Thủ Túc Chi, Viên Mãn Tiêm Tướng
- 06/32 - Gót Chân Tròn Đầy, Tốt Thắng Hơn Cả Cõi Hữu Tình
- 07/32 - Mu Bàn Chân Nổi Cao Đầy Đặn, Mềm Mại Tương Xứng Với Gót
- 08/32 - Đùi Vế Thon Tròn, Chân Dài
- 09/32 - Đứng Thắng Bàn Tay Úp Lên Đầu Gối
- 10/32 - Âm Tàng Tướng
- 11/32 - Lông Tươi Mướt Màu Xanh
- 12/32 - Thân Kim Sắc, Lông Tóc Xanh Biếc
- 13/32 - Da Mịn Không Dính Bụi
- 14/32 - Thân Sáng Chói Như Vàng Diêm-Phù-Đàn
- 15/32 - Bảy Chỗ Đều Đầy Đặn
- 16/32 - Kiên Đánh Thật Thù Diệu
- 17/32 - Xứ Long Mãn Tướng
- 18/32 - Dung Nghi Đoan Chánh
- 19/32 - Thân Tướng Trang Nghiêm
- 20/32 - Thân Tướng Hảo Mãn Như Nặc-Câu-Đà
- 21/32 - Hàm Ưc Uy Dung Quảng Đại
- 22/32 - Thân Sáng Chói

- 23/32 - Bốn Mươi Răng Trong Trắng
- 24/32 - Răng Và Bốn Răng Cửa Đều Trong Suốt
- 25/32 - Cổ Có Mạch Hầu Biến Chất Ăn Thành Thượng Vị.
- 26/32 - Lưỡi Che Trùm Cả Mặt
- 27/32 - Tiếng Nói Âm Vang Trong Suốt Như Tàn-Già Âm
- 28/32 - Lòng Mi Xanh Biếc, Dày Và Thẳng
- 29/32 - Đôi Mắt Trong Xanh Ngời Sáng
- 30/32 - Mặt Tròn Sáng Như Vàng Trắng Tròn
- 31/32 - Tướng Bạch Ngọc Hào
- 32/32 - Khuôn Trán Như Ô-Sắc-Nị-Ca

#### KINH BÁT NHÃ NÓI VỀ 80 TÙY HÌNH HẢO

- 01/80 : Tướng Móng Tay, Chân Màu Như Hoa Đồng Đỏ
- 02/80 : Tướng Ngón Tay Chân Thon Dài Mềm Dịu
- 03/80 : Tướng Tốt Ngón Tay Chân Tròn Đầy Kín Không Hở
- 04/80 : Tướng Tay Chân Tươi Đẹp Như Hoa Sen
- 05/80 : Tướng Gân Mạch Ẩn Kín
- 06/80 : Tướng Mắt Cá Chân Không Nổi Cao
- 07/80 : Tướng Bước Đi Ung Dung Đều Đặn
- 08/80 : Tướng Chân Đi Cách Mặt Đất Bốn Tấc
- 09/80 : Chân Bước Thong Dong, Khoảng Cách Bằng Nhau
- 10/80 : Tướng Tùng Bước Chân Điềm Tĩnh Hòa Dịu
- 11/80 : Tướng Đổi Hướng Bước Đi Đều Phía Phải
- 12/80 : Tướng Các Lóng Đốt Đều Tròn
- 13/80 : Tướng Các Khớp Xương Kết Kít
- 14/80 : Tướng Đầu Gối Tròn Chắc
- 15/80 : Tướng Chỉ Vần Trong Đẹp
- 16/80 : Tướng Tinh Sạch Trần Cấu Không Dính
- 17/80 : Tướng Tôn Dung Đôn Túc
- 18/80 : Tướng Tươi Mát Hoàn Hảo
- 19/80 : Tướng An Định Vững Trụ
- 20/80 : Tướng Sáng Suốt Đoan Nghiêm
- 21/80 : Tướng Hào Quang Thường Rực Rỡ Bao Quanh
- 22/80 : Tướng Bụng Hiện Ngấn Vuông
- 23/80 : Tướng Rún Tròn Trong Sáng
- 24/80 : Tướng Rún Tròn Đẹp
- 25/80 : Tướng Da Thịt Mịn Màng
- 26/80 : Tướng Tay Chân Đầy Đặn Mềm Mại
- 27/80 : Tướng Chỉ Vần Sáng
- 28/80 : Tướng Môi Đỏ Như Sơn
- 29/80 : Tướng Thở Lợng Cân Đối
- 30/80 : Tướng Lưỡi Rộng Lớn
- 31/80 : Tướng Tiếng Vang Cùng Khấp
- 32/80 : Tướng Âm Vang Xa Thăm
- 33/80 : Tướng Sống Mũi Cao, Lỗ Nhỏ
- 34/80 : Tướng Răng Bằng Trong Sáng
- 35/80 : Tướng Răng Trong Thơm Sạch

- 36/80 : Tướng Mắt Trong Xanh Sáng Rõ
- 37/80 : Tướng Mắt Đẹp Như Hoa Sen
- 38/80 : Tướng Lông Mi Dài Mịn
- 39/80 : Tướng Mày Dài Và Cong
- 40/80 : Tướng Mày Biếc Tợ Lưu Ly
- 41/80 : Tướng Đôi Mày Cong Tợ Trăng Non
- 42/80 : Tướng Vành Tai Dài Rộng
- 43/80 : Tướng Hai Trái Tai Rủ Như (Giọt Ngọc)
- 44/80 : Tướng Tôn Duy Ái Kính
- 45/80 : Tướng Vân Trán Cao Quý
- 46/80 : Tướng Oai Nghiêm Vô Đối
- 47/80 : Tướng Tóc Xanh Biếc
- 48/80 : Tướng Tóc Xoay Hướng Phải
- 49/80 : Tướng Tóc Không Rối Không Dính Bụi
- 50/80 : Tướng Tóc Không Rơi Rụng
- 51/80 : Tướng Tóc Sáng Lóng Lánh
- 52/80 : Tướng Thân Na-La-Diên
- 53/80 : Tướng Thân Thăng Cao Lớn
- 54/80 : Tướng Các Khiếu Mạch Trong Sạch
- 55/80 : Tướng, Các Tướng Đều Là Thủ Thắng
- 56/80 : Tướng Nhìn Không Nhàm Chán
- 57/80 : Tướng Mặt Tợ Trăng Tròn
- 58/80 : Tướng Dung Nhan Sáng Rỡ
- 59/80 : Tướng Diện Mạo Tươi Vui
- 60/80 : Tướng Mặt Da Trong Sạch Sáng Láng
- 61/80 : Các Sợi Lông Đều Tỏa Hương Thơm
- 62/80 : Tướng Diệu Hương Tỏa Thơm Từ Mặt
- 63/80 : Tướng Đầu Tròn Đẹp
- 64/80 : Tướng Màu Lông Xanh Biếc
- 65/80 : Pháp Âm Thế Tôn Xa Gần Đều Rõ
- 66/80 : Đánh Tướng Mâu Nhiệm
- 67/80 : Tướng Móng Tay Chân Như Màu Đồng Đỏ
- 68/80 : Chân Tuy Cách Đất, Vẫn Hiện Ấn Văn
- 69/80 : Tướng Tự Trì và Tự Liệu
- 70/80 : Tướng Oai Đức Vô Lượng
- 71/80 : Tiếng Nói Của Phật Làm Hòa Duyệt Tất Cả
- 72/80 : Âm Ngữ Của Phật Đều An Lạc Tất Cả
- 73/80 : Tùy Loại Chúng Sinh Nghe Pháp Đều Giải Thoát
- 74/80 : Đức Tướng Thuyết Pháp Lời Lời Đều Toàn Thiện
- 75/80 : Đức Tướng Bình Đẳng Yêu Thương Chúng Sinh
- 76/80 : Tướng Phạm Hạnh Đầy Đủ
- 77/80 : Chúng Sinh Không Thẽ Thấy Cùng Tận Được Tướng Tốt
- 78/80 : Tướng Xương Trán Tròn, Tóc Xoắn Tròn
- 79/80 : Màu Tóc Đẹp Như Ngọc Thanh Châu
- 80/80 : Tay Chân Hồng Ngực Đều Đủ Đức Tướng Cát Tường

DO NHÂN HẠNH GÌ MÀ CÓ CÁC TƯỚNG HẢO ?

---o0o---

**Phạn Ngũ** : Dvātrimsāmahā-purusa-laksanāni. Thuộc hệ Chuyển Luân Vương. Tuy nhiên, trong 32 tướng, Chuyển Luân Vương lại không có hai tướng ...Cát Tường Hải Vân (Vạn Đức. -Chữ Vạn ở trước ngực) và Nhục Kế (phóng quang đánh tướng) như Phật được.

**Ba Li Ngũ** : Dvattimsa mahā-purisa-lakkhanāni.

**Tướng tốt của Phật Thích Ca và chư Phật** là tướng tốt từ ở thân ứng hóa mà nói. Những tướng tốt về dung mạo thù thắng vi diệu này, nếu nói :

**Riêng về các Đại Bồ Tát cũng có đủ 32 tướng, như Chuyển Luân Vương, nhưng trong đó lại còn có 7 tướng thù thắng hơn Chuyển Luân Vương.** *Luận Trí Độ Q-381* nói : “ *Bồ Tát tướng giả, hữu thất sự thắng Chuyển Luân Thánh Vương Tướng, Nhất Tịnh Hảo, Nhị phân minh, Tam Bất thất Xứ, Tứ Cụ túc, Ngũ Thâm nhập, Lục Tùy trí tuệ hạnh bất tùy thế gian, Thất Tùy viễn ly chuyển luân thánh vương tướng* ”. (**Đẹp và thanh tịnh – Sáng suốt rõ ràng – Vĩnh viễn không mất bổn xứ – Tròn đầy – Vào chỗ tốt cùng – Theo trí tuệ độ sanh không bị thế gian lôi cuốn – Không dính mắc vào tướng của Chuyển luân**).

**Còn các danh tự khác để gọi 32 hảo tướng, như :**

-Tam thập nhị đại nhơn tướng

-Tam thập nhị đại trượng phu tướng

-Đại nhơn tam thập nhị tướng

Và lược xưng là : *Đại Nhơn Tướng. – Tứ Bát Tướng. (lối gọi của Tàu 8x4) – Đại Sĩ Tướng. – Đại Trượng Phu Tướng .v.v... Tóm lại, gọi tắt là “Tướng Hảo”.*

**Tướng hảo, là Tướng Tốt ! Mà người diễn dịch làm cho xấu tệ đi. Thì sao gọi là “Tướng Hảo”?** Tuy không hẳn là một lỗi lớn, nhưng liệu tránh sao khỏi “Tội ly kinh” còn cứ thẳng thừng “Voi, Nai, Ngỗng” thì không lẽ không bị tội “Y kinh” sao? Thực tế, là sẽ buồn lòng bao người con chí kính với đấng Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi! **Cẩn thận, chín chắn đừng**

*nói ma, đừng oan Phật. Vì lẽ đó, nay chúng ta đem trưng dẫn ra một ít kinh điển để so sánh đỉnh kết cho nghiêm chỉnh về các Tướng Hảo của Phật. Và đó là y cứ cho bài khảo dịch này :*

A - Kinh Đại Bát Nhã S9/165/LT (y cứ).

B - Trường A Hàm Kinh Đại Bản Duyên (tham khảo).

C - Đại Trí Độ Luận S.78 Q4,178/LT. & S.80 Q89 (y cứ).

D - Phật Quang Đại Từ Điển Hán Tự Q1/507-32. 268/80 (y cứ).

Đ - Phật Học Đại Từ Điển Hán Văn Q1/275 (tham khảo).

E - Từ Điển Phật Học Hán-Việt 127/80. 1127/32 (tham khảo).

G - Niết Bàn Kinh /28 (y cứ).

H - Trung A Hàm Tam Thập Nhị Tướng kinh PHĐTĐ (Đinh) 1/276.

(& tham khảo bản dịch Đại Tạng Việt Nam. Chỉ có 28 tướng !)

I – Phật Bản Hạnh Tập Kinh. (tham khảo) [Chỉ nói 77 tướng. Cho rằng chính kinh bản gốc thiếu 3 tướng]

K- Du Đà Sư Địa Luận. (tham khảo) gồm 100 quyển ĐT. Sách 80-81-82. (32 tướng và 80 hình hảo, Q49, trang 412-417) Thuộc đoạn : Bồ Tát Địa “Trì cứu cánh Du Gia Xứ Địa” phẩm.

*Qua 5 bộ Kinh Tạng và 3 Đại Từ Điển và 2 bộ luận nêu trên, để dịch về 32 Hảo Tướng và 80 Tùy Hình Hảo của Chư Phật và Bồ Tát để tạo nền tảng “**Quán Tướng**” Phật Tướng cho phần tu **Tán Thán** công đức Phật. Nên biết các “Tướng Tốt” mẫu nhiệm đó là do Phật đã trải qua vô lượng kiếp tu nhân hạnh “Lục Độ” mới cảm được cái quả thù thắng đó, cho thân tướng Ứng Hóa khi hiện thế độ sanh.*

*Có một điều tướng cũng nên lưu tâm : Hơn 2600 năm về trước, các vị “Tướng Sư” trong dòng Bà-la-môn ở Ma-kiệt-đà thời đó, ngôn ngữ của họ, có lẽ dùng thí dụ hơn là mỹ từ để diễn tả những nét đẹp kỳ diệu ? Cho nên họ hay dùng hình ảnh vóc dáng một vài chúa của loài cầm thú để so sánh và miêu tả cái vẻ hùng vĩ, mềm mại của “Hảo Tướng” như ta*

*đã thấy xen vào trong Tam Thập Nhị Tướng và Baùt Thập Chũng Hảo. Về mặt dịch thuật tôi không dám bỏ [.....câu lấy thú tướng thay tướng người, hay chỉ là thí dụ], tôi sẽ dùng trọn Việt-ngữ. Nhưng xin đóng ngoặc những thú tướng đó lại (...) nhằm bảo tồn lời nói của các vị tướng sư thuở xa xưa trong kinh điển. Tôi cố tâm dùng các mỹ từ của tiếng Việt để mô tả; Dù biết những mỹ từ đó vị tất đã chuyên chỗ trọn vẹn ý nghĩa ! Vẫn hơn “đẹp như Đùi Nai chúa”! v.v...Mà đùi nai thì đẹp đâu có tròn! ?.*

*Cúi lạy hồng đức Tam Bảo xá tội ! Vì con nghĩ “Thú vẫn là thú ! Làm sao sánh đợc Diệu Tướng của Đấng Chí Tôn”.*

*Về mặt sưu khảo để dịch thuật, tôi áp dụng “Ngũ Pháp” dịch thuật của Phật Giáo, tôi vẫn biết dù kỹ đến đâu cũng không tránh khỏi thiếu sót ! Mong sự chỉ giáo chung của các bậc trí tuệ đã tham thấu cao siêu huấn thị lại cho, hy vọng có ngày bổ túc đợc đầy đủ hơn.*

**Đoạn dưới đây thuộc Kim Cang Bộ : Đại Trí Độ Luận S78, trang 178. Lược đoạn mở đầu nói về 32 Hảo Tướng:**

**-Kinh văn :**

菩薩先已行了知是父是母。是父是母能长养我。我父母生身得阿耨多罗三藐三菩提。是净心念父母。相续入胎。是名正慧入母胎。是菩萨满十月新正慧不失念。出胎行七步。发口言。是我末后身。乃至将示相师。汝观我实有三十二大相人相不。若有三十二相具足者。是应笑有二法。若在家当为转轮圣王。若出家当成佛。诸相师言。地天太子实有三十二大相人相。若在家当作转轮王。若出家者当成佛。王言。何等三十二相。

相师答言。 .....

**-Lời kinh :** [Bồ Tát tiên dĩ liễu tri thị phụ thị mẫu, thị Phụ thị Mẫu năng trưởng dưỡng ngã thân. Ngã y phụ mẫu sanh thân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đê, thị tịnh tâm niệm phụ mẫu. Tương tục nhập thai, thị danh Chánh Tuệ nhập mẫu thai, thị Bồ Tát mãn thập nguyệt Chánh Tuệ bất thất niệm. Xuất thai hành thất bộ, phát khẩu ngôn : Thị ngã mạt hậu thân. Nãi chí tương thị tướng sư. Nhữ quang ngã tử thật hữu tam-thập-nhị đại nhân tướng

phủ? Nhược huĩ tam thập nhị tướng cụ túc giả! Thị ung hữu nhị pháp : - Nhược tại gia, đương vi Chuyển Luân Thánh Vương! –Nhược xuất-gia đương thành Phật! Chư tướng-sư ngôn : “Địa thiên Thái Tử thật huĩ tam thập nhị đại nhân tướng. Nhược tại gia giả đương tác Chuyển Luân Vương! Nhược xuất gia giả đương thành Phật”.

Vương ngôn : Hà đẳng tam thập nhị tướng? Tướng sư đáp ngôn ]:

*-Nghĩa Kinh: [ .....Bồ Tát trước đã biết ai xứng làm cha ai xứng làm mẹ, là Cha hay là Mẹ phải có đủ khả năng trưởng dưỡng thân của Bồ Tát. Bồ Tát nương nơi cha mẹ thành thân mà được Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ Tát luôn tịnh tâm niệm ân Cha Mẹ ! Suốt luôn như vậy để vào thai, đó là Chánh Tuệ. Bồ Tát không hề “mất Chánh Tuệ” cho đến khi đủ mười tháng. Lúc đản sanh rồi, liền đi bảy bước và tuyên nói : Đây là thân sau cùng của ta... Cho đến khi ... ở trước mặt của các tướng sư, đức Vua hỏi họ, các ông xem con ta có đủ 32 Đại Nhân Tướng không? Nếu có, thì sẽ xảy ra hai điều –Tại gia làm Thánh Vương Chuyển Luân. –Xuất Gia sẽ thành Phật, có phải vậy không? Các vị tướng sư tâu : Bệ hạ, trong cõi bao la (đất trời) này Thái Tử Ngài quả có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại-nhân. Nếu Thái Tử ở ngôi Ngài là bậc Chuyển Luân Thánh Vương, còn Ngài xuất-gia đi tu đương nhiên là bậc Đại-giác Đại-ngộ.*

*Đức Vua hỏi: Những tướng gì là 32 tướng?*

### **Thuộc Về Bộ Kinh Đại Bát Nhã :**

(Để khỏi nhầm các tên kinh, viết tắt : –Luận Đại Trí Độ, viết là [ĐTĐ]. – Trung A Hàm, viết là [TAH] . –Phật Học Từ Điển Hán Việt, viết là [PHTĐHV]. –Phật Quang Đại Từ Điển, viết là [PQĐTĐ]. Để So sánh và nhận biết các câu “Hảo Tướng” thuộc về kinh nào. Những câu -**Kinh Văn** : đương nhiên là của Bộ **Đại Bát Nhã**. Ngoài ra các câu tương đồng không đem vào). Chữ [ **td** : ] là thí dụ.

---o0o---

## **BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT**

(Tam Thập Nhị Tướng)

## 01/32 - Túc Hạ An Bình Lập Tướng

(*Tướng an ổn và bằng phẳng ở bốn chân Phật*). Phạn : – supratisthita pàda

-**Kinh văn** :

尊足下有平薪满相。妙善安住犹如衾底。地虽高下随足所蹈皆悉坦然无不等触。是为戢第一。»

-**Lời kinh** : ...Thế Tôn túc hạ, hữu bình mãn tướng, diệu thiện an trụ, do như liêm đề, địa tuy cao hạ, tùy túc sở hãm, giai tất thân nhiên, vô bất đẳng xúc. Thị vi đệ nhất”.

-**Nghĩa Kinh** : Dưới bàn chân của Đức Thế Tôn, có tướng bằng phẳng đầy đặn, thật khéo an trụ, như cái hộp ấn, nó thân nhiên tùy theo chỗ cao thấp (nông cạn), chạm đến (đụng vào) đều tự cân bằng chính xác. Đó là tướng thứ nhất (không bị bề lạt hay trọ hụp vấp vấp).

-**ĐTB** :一者足下安平唤立相。足下一切着地间无晦所受。不容一针。

Nhút giả, túc hạ an bình lập tướng, túc hạ nhút thiết trước địa gian, vô sở thọ bất dung nhút châm. [Nghĩa: Một là, cái tướng được thành lập thật an bình ở dưới bàn chân, mỗi khi bàn chân (Phật) sắp giáp vào mặt đất, tất cả các vật bén nhọn đều tự vệt tránh khỏi bàn chân Phật ].

**TAH** : 1/ Bậc Đại Nhân có lòng bàn chân bằng phẳng.

---o0o---

## 02/32 - Thiên Phúc (Bức) Luân Tướng

(*Thiên Phúc Vãng Cốc*). Còn gọi Nhị Luân Tướng. Dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn cãm, rất tươi thắm. s–cakrànkita hasta-pàda tala. (P. hettha pada-talesu cakkaniyatani).

-**Kinh văn**: 世尊足下千辐轮文辘轳众内相无不圆薏满是为第二。

-**Lời kinh** : Thế Tôn túc hạ “Thiên Phúc Luân” văn vãng cốc chúng tướng vô bất viên mãn. Thị vi đệ nhị.



**-Nghĩa kinh** : Dưới mặt bằng hai chân của Thế Tôn, có hình bánh xe tròn ngàn căm, tên là “Thiên Phúc Luân” Các đường vân ấy đều phân minh rõ ràng tròn trặn đầy đủ. Đó là thứ hai.

[**TĐHV**: 2/ Chỉ bàn chân có xoáy tròn như bánh xe có ngàn nan hoa].

[**PQĐTĐ**: Hai bánh xe, có ngàn bánh xe tròn, là tướng thối phục ác ma oán địch, chiếu phá ngu si của vô-minh. Gọi đúng là “Thủ túc luân tướng”. Lòng bàn chân có hiện tướng THIÊN PHÚC LUÂN của phật. Có hình hai bánh xe Chuyển Pháp Luân (ngàn căm). Tướng vi diệu này, có khi không hiện ở hai bàn chân, thì lại hiện nơi hai bàn tay. Vì trải qua nhiều đời quá khứ Phật đã vì Cha, Mẹ, Thầy, Bạn và Tất cả chúng sanh bên ba khắp chỗ khắp trong ba cõi, đã làm các việc bố thí, cúng dường, cầu độ ... nên biểu thị cái tướng Pháp Luân Ấn này.



**Thiên Phúc luân (tướng thứ hai)**  
**theo bộ Bát Nhã, có bánh xe ngàn căm.**

**-T-A-Hàm** : 2/ Lại nữa, lòng bàn chân của Đại Nhân có hình bánh xe. Bánh xe có đầy đủ ngàn căm. }

**-ĐTĐ** : 二者足下二轮相千辐辘毂三事具足。

Nhị giả túc hạ nhị luân tướng thiên bức võng cốt tam sự cụ túc. [Dưới hai bàn chân có tướng bánh xe ba việc không thiếu : -a) Vòng tròn lớn. -b) - 1000 ngàn căm chông. -c) Trục tròn ở giữa. như mạng lưới đang nhau...]

---o0o---

### **03/32 - Trường Chỉ Tướng. Hay, Chỉ Tiêm Trường Tướng**

**(Phạn-Ngữ : Dirghanguli). Tướng ngón tay dài.**

**-Kinh văn:** ( bị mất ) ...过一切。是为华第三。

**Phạn :** mrdṇ-tarṇa-hasta-padà-tala.

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc giai tất nhu nhuyễn. Như đở (đâu)-la-miên, thẳng quá nhưt thế. Thị vi đệ tam.

**-Nghĩa kinh :** Các ngón tay chân của Đức Thế Tôn thon dài mềm mại, dịu mềm hơn tất cả, như lụa đầu- la- miên. Đó là tướng tốt thứ ba.

**-ĐTD:** 三者长指相。指父纤长端直。次?第[月\*庸]好指节参?差?。

Trường chỉ tướng chỉ tiêm trường đoạn trực thứ đệ dung hảo chỉ tiết sam sai.  
[Đầu ngón và các ngón tay chân của Thế Tôn tròn búp thứ lớp thật đẹp, ngón tay dài, lông đốt thẳng nhau].



*chỉ bàn tay ngón tay mềm mại. (hình ảnh này mượn ở tượng Phật hiện tại để tạm hình dung phần nào trong muôn một).*

---o0o---

### 04/32 - Mang Võng Tướng. Tướng mạng lưới mềm

**Phạn:** S- jàlavanaddha-hasta pàda.

**-Kinh văn :**

世尊手U足一一换指间。犹柑如雁王咸有鞞网。金色交络文心同绮画。  
是为第四。<sup>a</sup> [đồng nghĩa câu 5 của Trí Độ luận].

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc nhứt nhứt chỉ gian, do như nhận vương hàm hữu man võng, kim sắc giao lạc văn đồng ỷ hoạch. Thị vi đệ tứ.

**-Nghĩa kinh :** Mỗi mỗi khoảng (kẽ) ngón tay, chân của Thế Tôn có lớp da mỏng như màng lưới, mịn tợ như lụa đầu-la-miên của trời Đế Thích, có nét vẽ màu vàng kim. Đó tốt thứ tư. (khi xếp tay lại thì tựa như biển mắt, không thấy nếp nhăn của man-võng <Thí dụ : nhận vương ( nhận chúa) man võng túc>.

{**Trung A Hàm :** Câu số 8/ Lại nữa, chân tay đại-nhân có màng lưới (giống như của chim nhận chúa). Đó là tướng của bậc đại-nhân}

**-ĐTĐ:** 四者足跟?广平相.

Tứ giả, túc ngận quảng bình tướng. [Gót chân bằng và rộng].

---o0o---

### 05/32 - Thủ Túc Chỉ, Viên Mãn Tiêm Tướng

**Các ngón tay chân (tròn búp) thon đầy.**

**(Phạn : jàlavanaddha-hasta-pàda).**

**-Kinh văn :**

世尊手U足所有诸yU。圆肋满纤长甚可爱乐U。是为第五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc sở hữu chư chỉ, viên mãn tiêm trường thậm khả ái lạc (nhạo). Thị vi đệ ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Các ngón tay và ngón chân của Đấng Thế Tôn, tròn mịn, búp búp, thon dài và đầy đặn càng nhìn càng ưa mến. Đó là thứ năm.

**-ĐTD** 五7875?者手U足指缦网相。如雁王张指父则ịU喜张则ị徊现籙。

Thủ túc chỉ mang võng tương, như nhận vương tương chỉ tắc hiện, bất tương tắc bất hiện. [Tương mạng lưới ở giữa kẽ tay chân, có sè tay thì mới có, không sè tay thì không có hiện ra].

---o0o---

### **06/32 - Gót Chân Tròn Đầy, Tốt Thắng Hơn Cả Cõi Hữu Tình**

**-Kinh-văn :**

世尊足跟广长圆满。与捺趺相称?胜余有嘈情。是为第六。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn túc ngân quảng trường viên mãn, dữ phu tướng xung thắng dư hữu tình. Thị vi đệ lục.

**-Nghĩa kinh :** Gót chân của Thế Tôn, dài rộng tròn đầy. Tướng vun tròn của mu bàn chân thật đặt biệt hơn tất cả chúng trong cõi hữu tình.

**-ĐTD :** 六者手U足柔软相。

Thủ túc nhu nhuyễn tương [Tương mềm mại dịu dàng của chân tay].

---o0o---

### **07/32 - Mu Bàn Chân Nổi Cao Đầy Đặn, Mềm Mại Tương Xứng Với Gót**

**-Kinh văn :** 世尊足趺修高充满。柔软妙?好与跟相称?。是为第七· 。

**- Lời kinh :** Thế Tôn túc phu tu cao sung mãn, nhu nhuyễn diệu hảo dữ ngân tương xứng. Thị vi đệ thất.

**-Nghĩa kinh :** Mu bàn chân của Đức Thế Tôn nổi cao đầy đặn mềm mại cùng với gót chân tương xứng nhau thật là kỳ diệu. Đó là tướng tốt thứ bảy.

**- ĐTD:**

七者足趺高满相。以○嗅蹈地不广不狭。足下色如赤莲华。足指愀间网及足边色如真?珊瑚。指爪如净赤铜。足趺上真?金色。足趺上毛青毗琉璃色。其足严好。譬泊如杂?宝履种UUU庄饰?。

Thất giả, túc phu cao mãn tướng, dĩ túc hảm địa bất quảng bất hiệp, túc hạ sắc như xích liên hoa. Túc chỉ gian võng cập túc biên sắc như chơn san hô. Chỉ trảo như tịnh xích đồng. Túc phu thượng chơn kim sắc, túc phu thượng mao thanh tỳ lưu ly sắc. Kỳ túc nghiêm hảo lý chủng chủng trang sức. [*Tướng mu bàn chân cao đầy, khi chân bước giáp đất dẫu không rộng không hẹp, màu sắc dưới chân như hoa sen đỏ, lưới dưới kẽ chân màu sắc như san hô, móng chân trong sáng như đồng đỏ. Màu sắc trên mu bàn chân in như vàng ròng, màu của lông trong xanh như lưu ly. Cực kỳ xinh đẹp như xen nhiều các bảo vật để chung vào trang sức*].

---o0o---

### **08/32 - Đùi Vế Thon Tròn, Chân Dài**

**-Kinh văn :** 世尊双腩渐次?纤圆。如暨泥邪仙鹿王腩。是为勃第八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn song chuyên tiệm thứ tiêm viên, như lịch-nê-tà-tiên lộc vương chuyên. Thị vi đệ bát.

**-Nghĩa kinh :** Hai đùi vế của Thế Tôn tròn trĩnh thon đẹp (như đùi của lộc vương lịch- nê- tà- tiên). {腩膊 chuyên, thuần : cùng một nghĩa}. Đó là thứ tám.

**-ĐTD:** 八者伊泥延胃膊相。如伊泥延胃鹿膊随?次?[月庸鹿]纤。

Bát giả, y-nê-diên thuần tướng, như y-nê-diên lộc thuần tùy thứ dung tiêm. [Tám là, tướng đùi vàng óng ánh, giống như của y-nê-diên]. {Y-nê-diên Phạn : Aineyajaha} tên của lộc vương. Thứ vôn, kim-Sắc nghĩa là vàng óng ánh].

---o0o---

### **09/32 - Đứng Thẳng Bàn Tay Úp Lên Đầu Gối**

**-Kinh văn :** 世尊双臂修直庸惫圆如象瞋王, 鼻平立摩膝。是为姜第九。

**-Lời kinh :** Thê Tôn, song tý tu trực dung viên như tượng vương, tử bình lập ma tất. Thị vi đệ cửu.

**-Nghĩa kinh :** Hai cánh tay của Thê Tôn thẳng dài tròn đầy, đứng đưa tay duỗi xuống bàn tay bằng ngang và thoa lên đầu gối. Đó là tướng tốt thứ chín.

**-TAH :** Chân tay Đại-nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa đâu-la. Đó là tướng của bậc đại nhân.

**-ĐTD :** 正平立摩膝相不俯不仰結以○漳膝.

Chánh bình lập ma tất, bắt phủ bắt ngưỡng dĩ chương ma tất. [Tướng đứng thẳng không cúi không ngược tay rờ (úp) đầu gối].

---o0o---

### 10/32 - Âm Tàng Tướng

**Phạn : Kosópagata. (Nam căn ẩn kín)**

**-Kinh** **văn** **:**  
世尊阴相势?峰藏密。其犹涮龙马亦如象鄆王。是为第十。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thê Tôn âm tướng thê phong tàng mật. Kỳ do long mã diệc như tượng vương. Thị vi đệ thập.

**-Nghĩa kinh :** Âm tàng tướng của Thê Tôn ẩn kín (tợ như Long chúa Tượng Mã). Đó là tướng tốt thứ mười.

**-ĐTD:**

十者阴藏相。譬喻如调善?象i宝马宝。问曰驶。若o菩萨得阿耨đ卸罗三藐三菩嘈提。时诸y弟子I何?因i○见阴藏相。答曰羸。为度众· 人决u众疑谏故示现如是

Thập giả, âm tàng tướng, thí như điều thiện tượng bảo mã bảo, vấn viết : Nhược Bồ-tát đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đê, thời chư đệ tử hà nhân duyên kiến âm tàng tướng. Đáp viết : Vị độ chúng nhơn quyết chúng nghi, có thị hiện như thị. [Bồ tát thành Chánh Giác rồi, vì duyên gì mà để cho mọi người thấy được âm tàng tướng ? –Đáp : Vì độ cho mọi người giải các nghi

ngờ nên hóa hiện tướng rồng báu, voi báu, ngựa quý để tỏ rằng âm tàng cũng như vậy đó].

---o0o---

### **11/32 - Lông Tươi Mướt Màu Xanh**

**-Kinh văn :** 世尊毛孔各一毛生。柔润簾绀青右<sub>᳚</sub>旋宛转。是第十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn mao khổng các nhứt mao sanh, nhu nhuận khám thanh, hữu truyền uyển chuyển. Thị đệ thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Mỗi lỗ chân lông mọc một lông trên thân Thế Tôn, tươi nhuận mềm mại với một màu xanh mượt đều xếp về phía bên phải. Đó là tướng tốt thứ mười một.*

**-TAH :** (11) Mỗi chân lông, chỉ sanh một sợi lông. Lông màu xanh lóng lánh như màu của ốc cù, lông xoay tròn về hướng phải.

**-ĐTD:**

十一者身广长等相。如尼拘卢陀筹树。菩萨身齐须为中。四边量等。

Thập nhứt giả thân quảng trường đẳng tướng, như ni-câu-lô-đà thọ. Bồ Tát thân tê vi trung tứ biên lượng đẳng. [ Thân của Bồ Tát chiều cao và chiều ngang dang tay bằng nhau, như cây ni-câu-lô-đà. Lấy rún làm chuẩn bốn chi đo cân nhau]. (Phạn : Nyagrodha. Dịch là vô-tiết. Cây cao lớn, che rộng, không có lông đốt, lá gần giống như liễu, dáng đẹp, tàng rộng tươi mát, sống lâu, còn gọi là cây dung. Ficus Indica (nặc-cù-đà)...).

---o0o---

### **12/32 - Thân Kim Sắc, Lông Tóc Xanh Biếc**

**-Kinh văn :**

世尊发毛端皆<sub>0</sub>上靡<sub>?</sub>。右<sub>᳚</sub>旋宛转柔润<sub>i</sub>绀青。严金色身甚可爱乐<sub>U</sub>。是第十二。

**-Lời kinh :** Thê Tôn phát mao đơan giai thượng mị, hữu truyền uyển chuyển nhu nhuận khám thanh, nghiêm kim sắc thân thậm khả ái nhạo. Thị vi thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Các đầu lông, tóc của Thê Tôn đều mềm mịn, màu xanh biếc như lưu ly xanh và cùng hướng lên xoay về bên phải, toàn thân màu vàng ròng, ngắm nhìn rất ưa thích. Đó là thứ mười hai.

**-ĐTD:** 十二者毛上向?相。身有诸<sub>y</sub>忻生。皆<sub>灑</sub>上向?而稚。É

Thập nhị giả mao thượng hướng tướng. Thân hữu chư mao sanh, giai hướng thượng nhi mị. [Các lông trong thân đều hướng lên, mịn màng không rối].

---o0o---

### 13/32 - Da Mịn Không Dính Bụi

**-Kinh văn :** 世尊身皮细薄润·滑。尘垢水等皆<sub>0</sub>所不住。是第十三。

**-Lời kinh :** Thê Tôn thân bì tế bạc nhuận hoạt, Trần cấu thủy đẳng giai sở bất trú. Thị vi thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Làn da trên thân thể của Thê Tôn, mịn màng tươi nhuận, các chất nước bẩn, bụi bặm đều không thể đọng dính trên da. Đó là tướng mười ba.

**-ĐTD :** 十三者一一换孔一毛生相。毛不乱?青琉璃色。毛右<sub>II</sub>蒙向?

-Thập tam giả, nhứt nhứt không nhứt mao sanh tướng, mao bất loạn thanh lưu ly sắc, mao hữu phi thượng hướng. [Tướng mỗi chân lông chỉ sanh một lông, lông không rối, màu sắc của lông xanh suốt như màu xanh của lưu ly, các lông đều hướng lên và xoay về cùng chiều tay mặt].

---o0o---

### 14/32 - Thân Sáng Chói Như Vàng Diêm-Phù-Đàn

**-Kinh văn :**



世尊身皮皆·真?金色。光洁晃?曜如妙?金台。众宝庄严众譖所乐U见。是第十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân bì giai chơn kim sắc, quang cát hoản diệu như diệu kim đài. Chúng sở trang nghiêm, chúng sở nhạo kiến. Thị đệ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Trên làn da toàn thân của Thế Tôn màu vàng ròng lóng lánh sáng rỡ trông đẹp như đài vàng diệu kim, các báu nhóm lại để trang nghiêm, các chúng trong cõi nhân thiên đều ưa thích nhìn ngắm và sinh tâm an lạc. Đó là tướng tốt thứ mười bốn.

**-ĐTĐ:**

十四者金色相。问曰驶何?等金色。答曰。若料铁在金边则ᵢ诤现籙。今ᵢ现U在金比佛在譖时金则ᵢ不现U。佛在时金比阎赧浮那金则ᵢ不现U。阎U浮那金比大ᵢ海中转轮蠻圣王道中金沙则ᵢ肋现籙。金沙比金山则ᵢ不现U。金山比须弥U山则ᵢ不现U。须弥U山金比三十三诸ᵢ天璎珞ᵢ金则ᵢ不现U。三十三诸ᵢ天璎珞ᵢ金比焰?摩天金则ᵢ不现U。焰?摩天金比兜率陀I天金则ᵢ不现U。兜率陀I天金比化自0在天金则ᵢ不现赧。化自0在天金比他化自0在天金则ᵢ诤现籙。他化自0在天金比菩谛萨身色则ᵢ不现U。如是色是名金色相。

[Kim sắc tướng phải so sánh như thế nào ? Luận đáp rằng : Nếu đem sắt để sánh với vàng thì màu của sắt sẽ không hiện rõ. Nay đem vàng cõi thế để so sánh với màu vàng “Kim tướng” của Phật thì màu vàng cõi thế không tỏ hiện. Và cứ như thế so sánh vàng của Diêm-phù-na, vàng trong biển lớn của vua Chuyển Luân, vàng của núi Tu Di, vàng anh lạc của cõi trời 33, vàng của Diệm-ma thiên, vàng của Đâu-suất-đà thiên, vàng của Tha-hóa-tự-tại thiên tất cả các vàng vô lượng quý giá sáng chói đó; đều không sánh với màu vàng của thân Bồ Tát ! Như vậy đó, là màu vàng của “Kim-sắc” tướng].

---o0o---

### 15/32 - Bảy Chỗ Đều Đầy Đặn

**-Kinh**

**văn**

:

世尊两足二手U掌?中颈及双肩七羞处充满。是第十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng túc, nhị thủ chưởng trung kính cập song kiên, thất xứ sung mãn. Thị vi thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Hai chân, hai bàn tay, cổ và đôi vai của Phật, bảy chỗ này đều đầy đặn. Là thứ mười lăm.

**-ĐTD:**

十五者丈光相。四边皆有一谢丈光。佛在是光中谛端严第一。如诸惶诸焮宝光明净。ō

Thập ngũ giả, trọng quang tướng, tứ biên giai hữu nhứt trọng quang. Phật tại thị quang trung đoan nghiêm đệ nhứt, như chư thiên chư vương bảo quang minh tịnh. [Tướng quang sáng suốt của Thế Tôn, vàng sáng bao quanh rộng xa hơn trọng. Phật trong ánh quang chói sáng đó thật là đệ nhất trang nghiêm đoan chính. Hơn hẳn hào quang quý báu của các vua ở các cõi trời].

---o0o---

### **16/32 - Kiên Đảnh Thật Thù Diệu**

**-Kinh văn :** 世尊肩项圆满殊譬2妙?。是第十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn kiên đảnh viên mãn thù diệu. Thị đệ thập lục.

**- Nghĩa kinh :** Trán và vai của Thế Tôn tròn đầy thật là đặc thù màu nhiệm. Đó là thứ mười sáu.

**-ĐTD:**

十六者细薄皮相。尘土不着身。如莲华叶不受尘水。若菩萨在泓干土山中经行。土不着足。随蓝风来吹破土山。令散为尘乃至一尘不着佛身。»

Thập lục giả, tế bạt bì tướng ôn thổ bất trước thân, như liên hoa hiệp bất thọ ôn thủy. Nhược Bồ Tát tại can thổ sơn trung kính hành, thổ bất trước túc. Tùy lam phong suy phá thổ sơn, linh tán vi ôn, nãi chí nhứt ôn, bất trước Phật thân. [Tướng da của Thế Tôn mịn mỏng nhỏ rức, bụi bặm đất cát không thể bám dính vào thân. Như Hoa Sen, những thứ nước lầy bùn không hề làm nhớp được hoa sen vậy.

---o0o---

### 17/32 - Xứ Long Mãn Tướng

**-Kinh văn :** 世尊髀腋悉皆窻充实。是第十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn bát dịch giai tất sung thật. Thị đệ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** *Chỗ hũng nách của Thế Tôn thật khác thường, vì rất đầy. Đó là thứ mười bảy.*

**-ĐTD:**

七处隆满相。两手迻两足两肩项?中七羞处。皆0隆满端正色净胜余身体à

Thập thất giả, xứ long mãn tướng, lưỡng thủ, lưỡng túc, lưỡng kiên, đánh trung thất xứ giai long mãn đoạn chánh sắc tịnh thẳng dư thân thể. [ Mười bảy, gọi là Xứ Long Mãn tướng, hai tay, hai chân, hai vai và trán, bảy chỗ đó đều tươi tốt, đoạn chính vun đầy, màu sắc thanh sạch hơn cả các cõi nhơn thiên.

---o0o---

### 18/32 - Dung Nghi Đoạn Chánh

**-Kinh văn :** 世尊容仪圆遣满端直。是第十八。±

**-Lời kinh :** Thế Tôn dung nghi viên mãn trực đoạn. Thị vi thập bát.

**-Nghĩa kinh:** *Dung nhan và nghi cách của Thế Tôn, đoạn chính viên mãn. Đó là mười tám.*

**-ĐTD:** 十八者两腋下隆满相。不高不深?。

Thập bát giả, lưỡng dịch hạ long mãn tướng. Bất cao bất thâm. [ Mười tám là, hai nách của Thế Tôn đầy đặn xinh đẹp không vun cao cũng không trũng sâu].

---o0o---

## 19/32 - Thân Tướng Trang Nghiêm

**-Kinh văn :** 世尊身相修广端严。是第十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân tướng tu quảng trang nghiêm. Thi vi thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Thân tướng của Thế Tôn to lớn nghiêm chỉnh và ngay thẳng và thật cân đối. Đó là mười chín.

**-ĐTB :** 十九者上身如师子I相。

Thập cửu giả, thượng thân như sư tử tướng.

[Phân giữa cơ thân trở lên, trông vóc dáng oai phong vô cùng uy dũng. (như sư tử vương)].

---o0o---

## 20/32 - Thân Tướng Hảo Mãn Như Nặc-Câu-Đà

**-Kinh văn :** 世尊体相纵广量等。周匝芊圆满如诺瞿材陀I。是第二十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thể tướng túng quảng lượng đẳng, châu匝 viên mãn như nặc-cù-đà. Thi đệ nhị thập.

**-Nghĩa kinh :** Dung mạo và thể tướng của Thế Tôn, các bề cao rộng, tỷ lệ thật cân đối, toàn chu vi thể lượng tròn đầy hảo mãn tựa như cây liễu. (Nặc-cù-đà loại cây mềm cao to, tàn cây rộng mát Nyagrodha. Chỉ có ở Án mới có. Còn có tên ni-câu-đà v.v.). Đó là hai mươi.

**-ĐTB:** 二十者大i直身相。于壁一切人中恍身最?大i而直±

Nhị thập giả, đại trực thân tướng, vu nhất thể nhân trung tối đại nhi trực. [Thứ hai mươi là, một thân tướng cao thẳng to lớn. Có thể nói đối với nhân loại là một thân tướng cao lớn bậc nhất vậy.]

---o0o---

## 21/32 - Hàm Ưc Uy Dung Quảng Đại

**-Kinh văn :** 世尊颌臆亦并身上半。威容广大i如师子I王。是二十一。 》

**-Lời kinh :** Thế Tôn hàm ức tịnh thân thượng bán, uy dung quảng đại như sư tử vương. Thị nhị thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Phần thân trên của Thế Tôn từ ngực đến cằm, vóc dáng nở rộng, dung nghi uy dũng (như sư tử vương). Là hai mươi một.*

**-ĐTB:** 二十一者肩圆徧好相。一切治᳚患无咄如是者。

Nhị thập nhứt giả, kiên viên hảo tướng. Nhứt thiết trị kiên vô như thị giả. [*Tướng hai mươi một là, tướng vai tròn của Phật, không thể tìm thấy bất cứ ở đâu ngoài báo thân Phật*].

---o0o---

## 22/32 - Thân Sáng Chói

**-Kinh văn :** 世尊常光面?各一寻。是二十二。 》

**-Lời kinh :** Thế Tôn thường quang diện các nhứt tầm. Thị nhị thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Vàng ánh sáng chung quanh đầu mặt của Thế Tôn, thường sáng là một tầm. (một trượng). Là tướng hai mươi hai.*

**-ĐTB:**

二十二者四十齿相。不多不少余人三十二齿。身三百余嚙骨。头骨有九。菩行萨四十齿。头有一谢骨。菩萨齿骨多头骨少。余朽人齿骨少头骨多。以○是故异于熠余人身。 à

Nhị thập nhị giả, tứ thập xỉ tướng. Bất đa bất thiểu, dư nhơn tam thập nhị xỉ. Thân tam bách dư cốt. Đầu cốt hữu cửu. Bồ Tát tứ thập xỉ, đầu hữu nhứt cốt. Bồ Tát xỉ cốt đa đầu cốt thiểu. Dư nhơn xỉ cốt thiểu đầu cốt đa. Như thị cố dị vu dư nhơn thân. [*Tướng hai mươi bốn là, nói về răng, Thế Tôn có 40 cái răng, không nhiều và cũng không ít đối với con người. Con người có 32 cái răng, xương hơn 300, 9 xương đầu. Bồ Tát răng 40, xương đầu chỉ có 1. Bồ Tát xương răng nhiều, xương đầu ít. Còn con người thì xương răng ít xương đầu nhiều. Do vậy nên nói Bồ Tát khác với thường nhân*].

---o0o---

## 23/32 - Bốn Mươi Răng Trong Trắng

**-Kinh văn :** 世尊齿相四十齐平貌。净密根深?白逾珂?雪。是二十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn xỉ tướng, tứ thập tề bình, tịnh mật căn thâm, bạch du kha tuyết. Thị nhị thập tam.

**-Nghĩa kinh:** Hàm răng của Đức Thế Tôn đủ 40 cái, bằng đều không so le, sát kín nhau, chân sâu và trong trắng như ngọc “Kha Tuyết”. Đó là hai mươi ba.

**-ĐTĐ:**

二十三者齿齐相。诸<sub>y</sub>氤等无蕘粗<sub>U</sub>无细不出走不入。齿密相人不知者谓·为一·齿。齿间不容一毫。»

Nhị thập tam giả, “Xỉ Tề” tướng. Chư xỉ đẳng vô thô vô tế bất xuất bất nhập, xỉ mật tướng, nhơn bất tri giả vị vi nhứt xỉ, xỉ gian bất dung nhứt hào. [Hai mươi ba là tướng “Tề Xỉ”, các răng bằng như nhau, không lớn không nhỏ, không de ra, không xéo vào. Kín nhiệm người khó phân biệt, tướng chừng như một khối. Dù một xơ nhỏ cũng không mắc kẹt vào kẽ răng được].

---o0o---

## 24/32 - Răng Và Bốn Răng Cửa Đều Trong Suốt

**-Kinh văn :** 世尊四牙鲜白锋?利。是二十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tứ nha tiển bạch phong lợi. Thị nhị thập tứ.

**-Nghĩa kinh:** Bốn răng cửa của Thế Tôn, trắng tươi và bén nhọn. Là hai mươi bốn.

**-ĐTĐ:** 二十四者牙白相。乃至胜雪山王光。Á

Nhị thập tứ giả, “Nha Bạch” tướng. [Hai mươi bốn là tướng “Nha Bạch”. Tướng “Nha Bạch” của Thế Tôn trong sáng lóng lánh hơn cả “Tuyết Sơn” vương].

## 25/32 - Cổ Có Mạch Hầu Biên Chất Ăn Thành Thượng Vị.

**-Kinh văn :**

世尊常得味中緞上味。喉脉被直故能引饼身中诸<sub>y</sub>节脉袂所有上味卸。风热痰病不能为杂<sub>I</sub>。由<sub>I</sub>彼不杂<sub>I</sub><sub>ur</sub>吕沉浮延隔缩坏损痛曲等过。能正吞咽津<sub>?</sub>液通流故。身心适悦好常得上味。是二十五7875<sub>?</sub>。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thường đắc vị trung thượng vị, hầu mạch trực cổ năng dẫn thân trung chư chi tiết mạch, sở hữu thượng vị phong nhiệt đàm bệnh, bất năng vi nhiễm, do bị bất nhiễm mạch ly trầm phù, diên xúc hoại tôn thông khúc đẳng quá. Năng chánh thôn yết tân dịch thông lưu cổ. Thân tâm hoạt duyệt thường đắc thượng vị. Thị nhị thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Tất cả hương vị khi đến với Thế Tôn đều trở thành “Thượng Vị”. Sở dĩ có như vậy, vì ngay nơi hầu mạch (mạch tại cổ) có công năng dẫn thẳng đến các mạch chi tiết của toàn thân. Các bệnh đàm ẩm phong nhiệt, đều bị vô hiệu với cơ thể của Thế Tôn. Cơ thể miễn nhiễm tuyệt vời đó làm tiêu hoại tất cả sự xâm tổn đến các mạch, nổi chìm co giãn trong thân của Ngài. Đó là hai lăm.*

**-ĐTĐ:**

二十六者味中緞得上味相。有緞人言<sub>0</sub>。佛以<sub>o</sub>食着口中。是一谢切食皆<sub>0</sub>作最<sub>?</sub>上味。何<sub>?</sub>以<sub>o</sub>故。是一切食中恍有最<sub>?</sub>上味因<sub>i</sub>豆。无兽是相人不能发其因<sub>i</sub><sub>?</sub>。不得最<sub>?</sub>上味。复有緞人言<sub>0</sub>。若<sub>o</sub>菩萨举食着口中行。是时咽喉边两处。流注甘露和合诸<sub>y</sub>。是味清净故。名味抖中得上味卸。

Nhị thập lục giả, vị trung đắc thượng vị tướng. Hữu nhơn ngôn, Phật dĩ thực trước trung khẩu, thị nhứt thể thực giai tác tối thượng vị. Hà dĩ cố ? Thị nhứt thiết thực trung, hữu tối thượng vị nhân cố. Vô thị tướng nhơn bất năng phát kỳ nhơn cố, bất đắc tối thượng vị. Phục hữu nhơn ngôn, nhược Bồ Tát cũ thực trước khẩu trung, thị thời yết hầu biên lưỡng xứ, lưu chú cam lồ hòa hợp chư vị, thị vị thanh tịnh cố, danh vị trung đắc thượng vị. [TĐL số 26 nói: Đó là cái tướng được “Thượng Vị” trong các vị. Các món ăn đến

miệng Phật thì món ăn đều biến thành thượng vị. Có sao vậy ? Bởi vì chất thượng vị hằng có trong thực vị, nhưng người không có tướng “Thượng Vị” không thể phát tiết ra được cái nhân tố tối thượng vị này. Còn một ý nói khác là Bồ Tát khi đưa món ăn đến miệng thì dòng mạch ngoài hai bên yết hầu, chảy ra chất “Cam Lộ” hòa hợp với thực vị, khiến cho vị đó liền trong sạch thơm tho, để trọn nên “Thượng Vị”].

---o0o---

### **26/32 - Lưỡi Che Trùm Cả Mặt**

**-Kinh văn :** 世尊舌相薄净广长。能覆面?轮U至耳发际。是二十六。Á

**-Lời kinh :** Thế Tôn thiết tướng bạt tịnh quảng trường, năng phủ diện luân chí nhĩ phát tế. Thị nhị thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Tướng lưỡi của Thế Tôn, trong sạch dài rộng và mỏng, công năng của lưỡi có thể che trùm cả mặt cho đến mé tóc trán và đến mang tai. Đó là hai sáu.

---o0o---

### **27/32 - Tiếng Nói Âm Vang Trong Suốt Như Tàn-Già Âm**

**-Kinh văn :**

世尊梵i音o词韵弘7863?雅。随?众多少无谿不等闻。其配声洪7855?震犹如天鼓。发言蘋婉d约如频嫉迦音o。是二十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn phạm âm từ vận hoẵng nhã, tùy chúng đa thiểu vô bất đẳng văn. Kỳ thỉnh hồng chân du như thiên cổ, phát ngôn uyển ước như tân-ca âm. Thị nhị thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Phạm âm từ vận giọng nói của Thế Tôn, lan rộng hòa nhã dịu dàng, bất luận thỉnh chúng nhiều ít, xa gần độ nghe được, đều bình đẳng giống nhau. Chân âm của giọng như tiếng trống trời, điệu uyển chuyển của thanh âm mềm như “Tàn-già thỉnh” (giống chim nói pháp cõi Tịnh Độ). Là hai mươi bảy.



**-ĐTĐ:**

二十七者大迦舌相。是菩萨大舌从I口中出袂覆一切面?分U。乃至发际。若美还入口口亦不满。à

Nhị thập thất giả, “Đại Thiệt” tướng thị Bồ Tát đại thiệt tùng khẩu trung xuất phú nhứt thể diện phần, nãi chí phát tế. Nhược hoàn nhập khẩu, khẩu diệc bất mãn. [*Hai mươi bảy là “Đại Thiệt” tướng, lưỡi lớn của Bồ Tát khi le ra che trùm trọn cả mặt, cho đến mé tóc. Khi trở lại co vào miệng, miệng vẫn bình thường không choáng ngập trong miệng*].

---o0o---

**28/32 - Lòng Mi Xanh Biếc, Dày Và Trắng**

**-Kinh văn :** 世尊眼睫犹若蘂牛王。紺青齐整不相杂ĭ𦉑。是二十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tiệp do nhược ngư vương, khám thanh tề chỉnh, bất tương nhiễm loạn. Thi vi nhị thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Đôi chân mày trên đôi mắt của Thế Tôn, màu xanh biếc (sậm) lóng lánh, xếp lớp nằm nghiêng chỉnh tề không rối.

**-ĐTĐ:**

二十八者梵i声相。如梵i天王五7875?种U声从I口出u。其一湣深?如雷。二清彻远闻杜闻者悦琶乐U。三入心敬爱。四谛了易解。五7875?听者无厌。菩才萨音o声亦如是。五7875?种U声从I口中出袂。迦陵毗伽声相。如迦陵毗伽鸟d声可爱。鼓声相。如大i鼓音oY。É

Nhị thập bát giả, “Phạm Thịnh” tướng như Phạm Thiên Vương, ngũ chủng thanh tùng khẩu xuất, kỳ nhứt thâm như lôi. Nhị thanh triệt viễn văn văn giả duyệt lạc. Tam nhập tâm kính ái. Tứ đế liễu dị giải. Ngũ thính giả vô yếm. Bồ Tát âm thanh diệc như thị, ngũ chủng thanh tùng khẩu trung xuất, ca-lãng-tỳ-già thanh tướng. Ca-lãng-tỳ-già điều thanh khả ái. Cổ thanh tướng, như đại cổ âm thanh tham viễn. [ Hai mươi tám là, tướng của tiếng “ Phạm thịnh”, như vua Phạm thiên từ miệng phát ra có năm thứ tiếng một lúc. Tiếng đó: -Một là, trầm sâu như sấm. -Hai là, thấu suốt xa nghe, nghe thời vui sướng. -Ba là, đem lòng kính ái. -Bốn là, hiểu rõ chắc thật. -Năm là,

nghe không nhầm chán. Âm thanh (tiếng nói) của Bồ Tát cũng giống như vậy].

---o0o---

### 29/32 - Đôi Mắt Trong Xanh Ngời Sáng

**-Kinh văn :** 世尊眼睛紺青鮮白。紅環間飾皎潔分明。是二十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tình khám thanh tiền bạch, hồng bôi gian sức hào cật phân minh. Thị nhị thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Đôi tròng mắt của Thế Tôn, phần trắng trắng tươi, phần đen thì xanh đậm, trong xanh tươi trắng phân minh, chỗ giáp màu hơi ửng hồng. Là hai mươi chín.

**-ĐTB:** 二十九者真青眼相。如好青蓮華。

Nhị thập cửu giả, chơn thanh nhãn tướng, như hảo thanh liên hoa. [ Hai mươi chín gọi là “Chơn Thanh Hảo Tướng ” mắt đẹp Hoa Sen Xanh].

---o0o---

### 30/32 - Mặt Tròn Sáng Như Vàng Trắng Tròn

**-Kinh văn :**  
世尊面輪其猶滿月。眉相皎淨如天帝弓。是第三十。Â

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện luân kỳ do mãn nguyệt, mi tướng hào tịnh, như Thiên cung. Thị vi tam thập.

**-Nghĩa kinh :** Khuôn mặt của Thế Tôn, tròn sáng như trăng đầy, chân mày cong như cánh cung của trời Thiên Đê. Là thứ ba mươi.

**-ĐTB:** 三十者牛眼睫相。如牛王眼睫長好不亂?。

Tam thập giả, ngư nhãn tiệp tướng, như ngư vương nhãn tiệp trường hảo bất loạn. [Ba mươi là, lông mi thật dài, chân mi thẳng lông cong thật đẹp (Tợ như rèm lông ngư vương)].

---o0o---

### 31/32 - Tướng Bạch Ngọc Hào

**Kinh văn :**

世尊眉间有白毫相。右<sub>᠊</sub>行柔软如睹罗绵。鲜白光净逾·珂雪等。是三十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn mi gian hữu Bạch Hào tướng. Hữu truyền nhu nhuyễn như đũa-la-miên, tiền bạch quang tịnh du Kha-tuyết đẳng. Thị tam thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** Khoảng giữa hai chân mày của Thế Tôn có tướng Bạch Hào. Nhóm lông trắng này xoay tròn về phía hữu, mềm mịn như tơ đũa-la-miên (tơ côi trời), tươi trắng sáng suốt như ngọc “Kha-tuyết”. Là ba mươi mốt.

---o0o---

### 32/32 - Khuôn Trán Như Ô-Sắc-Nị-Ca

**-Kinh văn :**

世尊顶上乌瑟膩沙高显负圆周懿。犹如天盖。是三十二。善<sub>?</sub>现<sub>U</sub>。是名三十二大<sub>i</sub>士相

**-Lời kinh :** Thế Tôn đánh thượng Ô-sắc-nị-ca (Urna-kesa) Phật cao hiện châu viên, do như thiên cái. Thị tam thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Giữa khoảng chót trán đến đỉnh đầu của Thế Tôn nổi lên một cục tròn gọi là Ô-sắc-nị-ca (Nhục kế) Nơi đây cũng là “Đánh Tướng” (tựa như thiên bảo cái). Đó là tướng thứ ba mươi hai.

**-ĐTD :**

三十二者白毛相。白毛眉间生不高不下。白净右<sub>᠊</sub>旋舒<sub>?</sub>长五7875<sub>?</sub>尺。相师言<sub>0</sub>。地天太子<sub>I</sub>三十大<sub>i</sub>人相如是

Tam thập nhị giả, bạch mao tướng, bạch mao mi gian sanh bất cao bất hạ. Bạch tịnh hữu truyền thư trường ngũ xích. Tướng sư ngôn : Địa thiên Thái Tử tam-thập-nhị đại nhơn tướng như thị. [Ba mươi hai là, tướng lông trắng, chùm lông trắng nhóm tròn giữa hai đầu chân mày, ngay bằng giữa không cao không thấp. Trắng ngần trong suốt xoay tròn về phía phải dài 5 thước.

*Các tướng sư nói : Trong cõi bao la, Thái Tử có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại-nhân vậy ]. (\* Nói thước của thân tượng lục).*

---o0o---

## **KINH BÁT NHÃ NÓI VỀ 80 TÙY HÌNH HẢO**

**Phạn-ngữ: Asity-anuvyanjanani.**

[Tất cả chữ (td) là thí dụ]i]

(卷八十九) 大i智度论释四摄品欠第七十八之弋余圣者龙树菩嘈萨造

(Trích Luận Đại Trí Độ, Quyển 89, Phẩm Tứ Nhiếp thứ 78) Thánh giả Bồ Tát Long Thọ tạo luận.

后i秦龟兹国三藏鸠摩罗什译ë

(Đời Hậu Tần, nước Qui Tư Ngải Tam Tạng Cưu-ma-la-thập, dịch từ Phạn ra Hán).

**-Kinh văn :** 善?现U。云iṽ喝来应绂正等觉7869?八十随?好。善?现U。

**-Lời kinh :** Thiện Hiện, vân hà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bát thập tùy hảo, Thiện Hiện :

**-Nghĩa kinh :** *Này Thiện Hiện, như thế nào là, tám mươi tùy-hình hảo của bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác? - Thiện Hiện :*

---o0o---

### **01/80 : Tướng Móng Tay, Chân Màu Như Hoa Đồng Đỏ**

**-Kinh văn :** 世尊指爪狭长薄润泚。光洁鲜净如花赤铜。是为第一· 。

**-Lời Kinh :** Thế Tôn chỉ trảo giáp trường bạc nhuận, quang cát tiên tịnh, như hoa xích đồng. Thị vi đệ nhất.

**-Nghĩa kinh :** *Móng tay chân của Thế Tôn thon vót dài mà tươi nhuận, sáng láng trong sạch, óng ánh màu như hoa xích đồng (đồng đỏ). Đó là tùy hảo thứ nhất.*

-ĐTĐL : 无见顶P Vô kiến đảnh Tướng : [Người nhìn càng ngược lên càng cao không thấy được đảnh tướng sáng chói (Nhục kế) của Phật].

---o0o---

### **02/80 : Tướng Ngón Tay Chân Thon Dài Mềm Dịu**

-Kinh văn :

世尊手U足指圆覆纤长。[月庸鹿]直柔软节骨不现鬘。是为第二。

-Lời kinh : Thế Tôn thủ túc chỉ viên tiêm trường. Dung trực nhu nhuyễn tiết cốt bất hiện. Thị vi đệ nhị.

-Nghĩa kinh : Ngón tay chân của Thế Tôn, tròn nhọn thon dài (mềm mại) thuôn thẳng, lông đốt không bày ra nét thô xấu. Đó là tùy hảo thứ hai.

-ĐTD : 二者鼻直高好孔不现鬘.Tỷ trực cao hảo không bất hiện. [Mũi cao thẳng rất đẹp. Riêng lỗ mũi không hiện bày thấy lỗ hồng].

---o0o---

### **03/80 : Tướng Tốt Ngón Tay Chân Tròn Đầy Kín Không Hở**

-Kinh văn :

世尊手U足各等无差?。于诸yU间悉皆贞充密。是为第三。<sup>a</sup>

-Lời kinh : Thế Tôn thủ túc các đẳng vô sai, vu chư chỉ gian, giai tất sung mật. Thị vi đệ tam.

-Nghĩa kinh : Các ngón bàn tay chân của Thế Tôn, khi mở ra đều đầy đặn bằng phẳng, các khoảng kẽ giữa các ngón đầy kín không hở trống. Đó là tùy hảo thứ ba.

-ĐTD : 三者眉如初生月紺琉璃色。ÂTam giả, mi như sơ sanh nguyệt, khám lưu ly sắc. [Lông mày như trăng non, màu xanh trong như lưu ly].

---o0o---

### 04/80 : *Tướng Tay Chân Tươi Đẹp Như Hoa Sen*

**-Kinh văn :** 世尊手足圆满如意测。软净光泽ī色如莲华。是为第四。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc viên mãn như ý, nhuyễn tịnh quang trạch sắc như liên hoa. Thị vị đệ tứ.

**-Nghĩa kinh :** *Tay chân của Thế Tôn tròn mập đầy đặn vừa ý, mềm mại trong sáng, màu sắc tươi đẹp như hoa sen. Đó là tùy hảo thứ tư.*

**-ĐTB :** 四者耳轮U埵(弭o)成。Tứ giả, nhĩ luân đỏa thành. [ Trái “Tai” xù dài xuồng tròn trĩnh như giọt bầu dục].

---o0o---

### 05/80 : *Tướng Gân Mạch Ẩn Kín*

**-Kinh văn :** 世尊筋?脉u盘结坚固深?隐不现儻。是为第五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn cân mạch bàn kết kiên cố thâm ẩn bất hiện. Thị vi đệ ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Gân mạch của Thế Tôn kết bằng cứng chắc, ẩn kín không hiện lộ ngoài mặt da. Đó là tùy hảo thứ năm.*

**-ĐTB :** 五7875?者身坚实如那罗延I。Ngũ giả, thân kiên thật như na-la-diên.

[Thân thể của Thế Tôn bền chắc như na-la-diên. Hán dịch là “Kiên Cố”].

---o0o---

### 06/80 : *Tướng Mắt Cá Chân Không Nổi Cao*

**-Kinh văn :** 世尊两踝俱7877?隐不现儻。是为第六。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng khóa cu ẩn bất hiện. Thị vi đệ lục.

**-Nghĩa kinh :** *Hai đôi xương gò (hai mắt cá) của Thế Tôn, không nổi gô lên (ẩn ẩn không thô). Đó là tùy hảo thứ sáu.*

-**ĐTD** : 六者?骨际如钩锁。Lục giả, cốt tể như câu tỏa. [Các đầu khớp xương kết nhau như móc xích].

---o0o---

### **07/80 : Tướng Bước Đi Ung Dung Điều Đặn**

-**Kinh văn** : 世尊行步直进庠監审i如龙象i王。是为第七。

-**Lời kinh** : Thế Tôn hành bộ trực tấn tường thẩm, như long tượng vương. Thị vi đệ thất.

-**Nghĩa kinh** : Bước đi của Thế Tôn, từng bước đều và thẳng, ung dung đỉnh đạc (Dụ, như vua rồng, voi chúa). Đó là tùy hảo thứ bảy.

-**ĐTD** : 七者身一呬时回如象i王。Thất giả, thân nhứt thời hồi như tượng vương. [Khi xoay mình như voi chúa].

---o0o---

### **08/80 : Tướng Chân Đi Cách Mặt Đất Bốn Tấc**

-**Kinh văn** : 世尊行步威容齐肃如师子隲王。是为第八。

-**Lời kinh** : Thế Tôn hành bộ uy dung tề túc, như sư tử vương. Thị vi đệ bát.

-**Nghĩa kinh** : Bước đi của Thế Tôn, uy nghi nghiêm chỉnh, ngay thẳng vững vàng. Đó là thứ tám. [Bước đi của Đấng Chí Tôn cách mặt đất bốn tấc, mà trên mặt đất vẫn hiện rõ ấn văn. (Dụ, như dáng đi của sư tử chúa)].

-**ĐTD**: 八者行时足去地四寸而印文入现U。Bát giả, hành thời túc khứ địa tứ thốn nhi ấn văn hiện. [Tám làø, bước đi của Phật cách mặt đất 4 tấc, mặt đất vẫn hiện ấn văn (tức là dấu thiên bức luân)].

---o0o---

### **09/80 : Chân Bước Thong Dong, Khoảng Cách Bằng Nhau**

-**Kinh văn** : 世尊行步安平庠絆序?不过不减犹如牛王。是为酖第九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn hành bộ an bình tường tự bất quá bất giảm, do như ngưu vương. Thị vi đệ cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Bước đi của Thế Tôn an bằng tuần tự, không dài không ngắn, đỉnh đặc vừa vặn, tầm bước thông dong nhất định. Là thứ chín (Dụ ngưu vương bộ).*

**-ĐTD:** 九者?爪如赤○铜色薄而润泽。Cửu giả, trảo như xích đồng sắc. [Màu sắc của móng tay chân như màu đồng đỏ].

---o0o---

### **10/80 : Tướng Từng Bước Chân Điềm Tĩnh Hòa Dịu**

**-Kinh văn :** 世尊行步进止仪骨雅犹如鹅王。是为酖第十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn hành bộ tấn chỉ nghi giả do như nga vương. Thị vi đệ thập.

**-Nghĩa kinh :** *Từng bước chân đi tới của Thế Tôn nghi biểu hòa nhã, điềm tĩnh nhạp nhàng. Đó là thứ mười. (chữ chạc như nga vương).*

**-ĐTD:** 十者?膝骨坚着..圆好。Thập giả, tất cốt kiên trước viên haâu. [Xương đầu gối cứng chắc tròn đầy đẹp đẽ].

---o0o---

### **11/80 : Tướng Đối Hướng Bước Đi Đều Phía Phải**

**-Kinh văn :** 世尊回顾必皆0右᳚旋如龙象i王举身随?转。是第十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn hồi cổ tất giai hữu truyền như long tượng vương cử thân tùy chuyển. Thị đệ thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Mỗi lần Thế Tôn xoay mình đối hướng, đều theo chiều tay mặt (cách tợ long tượng vương). Là thứ mười một.*

**-ĐTD:** 十一者身净洁。»Thập nhứt giả, thân tịnh cát. [Thân thể Ngài trong sáng láng sạch. Là mười một].



---o0o---

### **12/80 : Tướng Các Lóng Đốt Đều Tròn**

**-Kinh văn :** 世尊支节渐次? [月\*庸筭圆妙?善?安布。是第十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chi tiết tiêm thứ dung viên diệu thiện an bố. Thị đệ thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Toàn thân cũng như chi tiết cơ thể của Thế Tôn thật tròn trặn mềm mại, cấu tạo và an bài vô cùng thiện xảo. Là hảo tướng mười hai.*

**-ĐTD:** 十二者身柔软。Thập nhị giả, thân nhu nhuyễn. [Mười hai là, thân thể mềm mại dịu dàng].

---o0o---

### **13/80 : Tướng Các Khớp Xương Kết Kít**

**-Kinh văn :** 世尊骨节交结无隙犹九若o龙盘。是第十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn cốt tiết giao kết vô kích du như long ban. Thị vi thập tam.

**-Nghĩa kinh :** *Các khớp đầu lóng xương của Thế Tôn kết kít nhau dẻo chắc (như vấu rồng) . Là tùy hảo thứ mười ba.*

**-ĐTD:** 十三者身不曲。Thập tam giả, thân bất khúc. [Mười ba là, thân ngay thẳng, (không cong vẹo)].

---o0o---

### **14/80 : Tướng Đầu Gối Tròn Chắc**

**-Kinh văn :** 世尊膝轮U妙?善?安布坚固圆满。是第十四。<sup>2</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn tất luân diệu thiện an bố kiên cố viên mãn. Thị đệ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** *Đầu gối chân của Thế Tôn tròn đầy cứng chắc, an bày khéo đẹp. Đó là mười bốn.*

**-ĐTĐ:** 十四者指长纤圆覆。Thập tứ giả, chỉ trường thiên viên. [Mười bốn là, các ngón tay tròn búp, đẹp và thon dài].

---o0o---

### **15/80 : Tướng Chỉ Văn Trong Đẹp**

**-Kinh văn :**

世尊隐处其· 文妙?好。威势?具足圆满清静。是第十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn ẩn xứ kỳ văn diệu hảo. Uy thế cụ túc viên mãn thanh tịnh. Thị đệ thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Các lần vạch đường văn ẩn kín trong thân của Thế Tôn, ẩn mà tốt đẹp, đầy đủ một uy thế viên mãn thanh tịnh. Là thứ mười lăm.

**-ĐTĐ:** 十五7875?者指文改庄严。Thập ngũ giả, chỉ văn trang nghiêm. [Mười lăm là, các đường chỉ văn đều rạng rỡ].

---o0o---

### **16/80 : Tướng Tinh Sạch Trần Cấu Không Dính**

**-Kinh văn :** 世尊身支润· 滑柔软。光悦鲜净尘垢不着。是第十六。 ㄚ

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi nhuận hoạt nhu nhuyễn, quang duyệt tiển tịnh, trần cấu bất trước. Thị đệ thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể và tay chân của Thế Tôn đều mềm mại tươi nhuận, tươi sạch óng ánh, các trần cấu bụi bặm đều không bám dính vào được. Đó là mười sáu.

**-ĐTĐ:** 十六者脉u深?。Thập lục giả, mạch thâm. [Mười sáu là, mạch lặn trong sâu].

---o0o---

### 17/80 : Tướng Tôn Dung Đôn Túc

**-Kinh văn :** 世尊身容敦肃无畏臺常不怯I弱。是第十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân dung đôn túc vô úy thường bất khiếp nhược. Thị đệ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Hình dáng của Thế Tôn luôn luôn an nhiên đôn túc, đức vô úy tràn đầy tỏa lui mọi khiếp nhược. Đó là mười bảy.

**-ĐTĐ:** 十七者踝不现遒。Thập thất giả, khóa bất hiện. [Mắt cá không hiện (gò)].

---o0o---

### 18/80 : Tướng Tươi Mát Hoàn Hảo

**-Kinh văn :** 世尊身支坚固稠密善?相属o着。是第十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi kiên cố điều mật thiện tướng thuộc trước. Thị đệ thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể và các cơ chi của Thế Tôn là một thiện tướng toàn hảo, vừa rắn chắc, vừa mịn màng, láng mượt. Là hảo tướng mười tám.

**-ĐTĐ:** 十八者身润i泽ĩ。Thập bát giả, thân nhuận trạch. [Mười tám là, thân thể tươi mát, mượt mà].

---o0o---

### 19/80 : Tướng An Định Vững Trụ

**-Kinh văn :** 世尊身支安定敦重曾· 不掉o动圆满无厕坏。是第十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi an định đôn trọng tăng bất trạo động viên mãn vô phôi. Thị đệ thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể tay chân của Thế Tôn an định vững trụ như thành vách, không xô xịch chao động, trọn đầy đức tướng trang nghiêm. Đó là mười chín.

-**ĐTD**: 十九者身自0持U不透0迤?. Thập cửu giả, thân tự trì bất uy di. [Mười chín là, thân tự duy trì không xuyên xẹo].

---o0o---

### **20/80 : Tướng Sáng Suốt Đoan Nghiêm**

-**Kinh văn** : 世尊身相犹如仙王。周眷匝端严光净离翳需。是第二十。

-**Lời kinh** : Thế Tôn thân tướng do như tiên vương. Châu tráp đoan nghiêm quang tịnh ly ế. Thị đệ nhị thập.

-**Nghĩa kinh** : *Thân tướng của Thế Tôn như vua cõi tiên, quanh vòng chu thân đều trong sạch sáng suốt rời xa mọi sự che lấp. Là thứ hai mươi.*

-**ĐTD**: 二十者身满足。 Nhị thập giả, thân mãn túc. [Hai mươi là, thân đầy đủ].

---o0o---

### **21/80 : Tướng Hào Quang Thường Rực Rỡ Bao Quanh**

-**Kinh văn** :

世尊身有周熊匝圆朐光。于行等时恒7851?自0照曜。是二十一。»

-**Lời kinh** : Thế Tôn thân hữu châu tráp viên quang, vu hành đẳng thời hằng hữu chiếu diệu. Thị nhị thập nhất.

-**Nghĩa kinh** : *Thân của Thế Tôn có vàng hào quang tròn sáng rực rỡ vây bọc chung quanh. Là hai mươi một.*

-**ĐTD**: 二十一者识满足。»Nhị thập nhất giả, thức mãn túc. [Hai mươi một là, biết đầy đủ].

---o0o---

### **22/80 : Tướng Bụng Hiện Ngấn Vuông**

-**Kinh văn** : 世尊腹形?方正无缺柔软不现瞽众相庄严。是二十二。Ú

**-Lời kinh :** Thế Tôn phúc hình phương chánh vô khiếm nhu nhuuyến bất hiện chúng tướng trang nghiêm. Thị nhị thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Hình dáng chiếc bụng của Thế Tôn ngắn vuông và thẳng, không kém phần mềm mại, các vẻ khác không hiện. Đó là hai mươi hai.

**-ĐTD:** 二十二者容仪备足。ᵚNhị thập nhị giả, dung nghi phân túc. [Hai mươi hai là, dung nghi đầy đủ].

---o0o---

### **23/80 : Tượng Rún Tròn Trong Sáng**

**-Kinh văn :** 世尊, 脐 深?右ᵚ旋圆妙?清净光泽ᵚ。是二十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tê thâm hữu truyền viên diệu thanh tịnh quang trạch. Thị nhị thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Rún của Thế Tôn sâu (có bờ viền) và tròn màu sáng trong xanh rất đẹp. Là hai mươi ba.

**-ĐTD:** 二十三者住处安无能动者。ᵓNhị thập tam giả, trụ xứ an vô năng động giả. [Hai mươi ba là, trụ xứ yên không khởi động].

---o0o---

### **24/80 : Tượng Rún Tròn Đẹp**

**-Kinh văn :** 世尊, 脐 厚d不窳不凸周匝苳妙?好。是二十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tê hậu bất oa bất lỗi châu tráp diệu hảo. Thị nhị thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Rún của Thế Tôn, không lồi không lõm, (lõm là trẹt) có bờ tròn rất đẹp. Đó là thứ hai mươi bốn.

**-ĐTD:** 二十四者威震一切。»Nhị thập tứ giả, oai trấn như thế. [Hai mươi bốn là, oai đức trùm khắp tất cả].

---o0o---

## 25/80 : Tướng Da Thịt Mịn Màng

**-Kinh văn :**  
世尊皮肤· 远离疥癬。亦多无麻点疣赘等过。是二十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn bì phu viễn ly giới tiển, diệc vô ly điểm vưu chuế đặng quá. Thị nhị thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Các loại ghẻ chốc đều xa rời làn da mịn màng của Thế Tôn, dù chỉ là một điểm vảy đen nhỏ. Là hai mươi lăm.

**-ĐTD:** 二十五7875?者一切乐籙观。Niệm thập ngũ giả, nhứt thiết lạc quan. [Hai mươi lăm là, tất cả chúng sanh thấy Phật đều vui mừng].

---o0o---

## 26/80 : Tướng Tay Chân Đầy Đặn Mềm Mại

**-Kinh văn :** 世尊手U掌?充满柔软足下安平。是二十六。½

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ trưởng sung mãn nhu nhuyễn, túc hạ an bình. Thị nhị thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Bàn tay của Thế Tôn, đầy đặn mềm mại, dưới chân có tướng an bình.

**-ĐTD:** 二十六者面?不大i长。Niệm thập lục giả, diện bất đại trường. [Hai mươi sáu là, mặt không quá dài, cũng không quá lớn (theo tỷ lệ thân)].

---o0o---

## 27/80 : Tướng Chỉ Văn Sáng

**-Kinh văn :** 世尊手U文深?长明直润眈泽i不断。是二十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ văn thâm trường minh trực nhuận trạch bất đoạn. Thị nhị thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Các đường văn trên đôi tay của Thế Tôn, sáng rõ, sâu thẳng và dài không đứt đoạn. Là hai mươi bảy.

**-ĐTD:** 二十七者正容貌不挠邈色。Nhị thập thất giả, chánh dung mạo bất náo sắc. [Hai mươi bảy là, dung mạo đều giữ nguyên chánh sắc, không thay đổi (khi hồng hào, khi tái bạch). Náo sắc].

---o0o---

### **28/80 : Tướng Môi Đỏ Như Sơn**

**-Kinh văn :** 世尊唇色光润丹晖。如频婆蹬果上下相称?。是二十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân sắc quang nhuận đơn huy như tần-bà quả, thượng hạ tương xứng. Thị nhị thập bát.

**-Nghĩa kinh :** *Vành môi của Thế Tôn tươi nhuận sáng rỡ, đỏ tựa sơn, môi trên và dưới tương xứng, đỏ như trái tần-bà. Là hai mươi tám.*

**-ĐTD:** 二十八者面?具足满。Nhị thập bát giả, diện cụ túc mãn. [Hai mươi tám là, khuôn mặt đầy đủ những gì cần đầy đủ].

---o0o---

### **29/80 : Tướng Thẻ Lượng Cân Đối**

**-Kinh văn :** 世尊面?门不长不短。不大不小如量端严。是二十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện môn bất trường bất đoản, bất đại bất tiểu như lượng trang nghiêm. Thị nhị thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Khuôn mặt của Thế Tôn không dài không ngắn, không lớn không nhỏ vừa vặn cân xứng với hình vóc, đoan nghiêm với thẻ lượng.*

**-ĐTD:** 二十九者唇赤如频婆蹬果色。Nhị thập cửu giả, thân xích như tần-bà quả sắc. [Hai mươi chín là, môi đỏ như màu đỏ của trái tần-bà].

---o0o---

### **30/80 : Tướng Lưỡi Rộng Lớn**

**-Kinh văn :** 世尊舌相软薄广长。如赤铜色。是第三十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thiết tướng nhưyển bạc quang trường, như xích đồng sắc. Thị vi tam thập.

**-Nghĩa kinh :** *Tướng lưỡi của Thế Tôn, đỏ thắm như màu đồng đỏ. Đó là ba mươi.*

**-ĐTĐ:** 三十者音○响深?. Tam-thập giả, âm hưởng thâm. [Tiếng và giọng của Thế Tôn vang sâu âm áp].

---o0o---

### **31/80 : Tướng Tiếng Vang Cùng Khấp**

**-Kinh văn :** 世尊发声威震深?远。如象秬王吼明朗清彻。是三十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn phát thanh uy chấn thâm viên, như tượng vương không minh lãng thanh triệt. Thị tam thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Âm giọng tiếng nói của Thế Tôn phát ra uy mãnh chấn động vượt xa xa thắm !. Là ba mươi một. (lấy tiếng rống vang xa của tượng làm dụ).*

**-ĐTĐ:** 三十一者脐魂深?圆好。²Tam thập nhưt giả, tê thâm viên hảo. [Rõn sâu tròn đẹp].

---o0o---

### **32/80 : Tướng Âm Vang Xa Thắm**

**-Kinh văn :** 世尊音○ᵒ美妙?具足如深?谷响。是三十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn âm vận mỹ diệu cụ túc như thâm cốc hương. Thị tam thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Âm vận của Thế Tôn phát ra nghe vang vọng sâu sâu như trong hang động và rất hay.*

**-ĐTĐ:** 音○ᵒ美如深?谷响 Âm vận mỹ như thâm cốc hương. [Tiếng và giọng rất hay nghe vang vang như trong hang sâu].



---o0o---

### **33/80 : Tướng Sống Mũi Cao, Lỗ Nhỏ**

**-Kinh văn :** 世尊鼻高修而且?直其变孔不现U。是三十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tỷ cao tu nhi thả trực kỳ khổng bất hiện. Thị tam thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Sống mũi của Thế Tôn cao và thẳng, lỗ mũi kín không hiện thấy. Là tướng ba mươi ba.

**-ĐTB:** 三十三者手U足满。Tam thập tam giả, thủ túc mãn. [Tay chân tròn đầy].

---o0o---

### **34/80 : Tướng Răng Bằng Trong Sáng**

**-Kinh văn :** 世尊诸y齿方整鲜白。是三十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư xỉ phương chỉnh tiên bạch. Thị tam thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Răng của Thế Tôn tươi trắng ngay thẳng vuông đẹp. Là ba mươi bốn.

**-ĐTB:** 三十四者手U足如意。Tam thập tứ giả, thủ túc như ý. [Ba mươi bốn là, tay chân đều như ý].

---o0o---

### **35/80 : Tướng Răng Trong Thơm Sạch**

**-Kinh văn :** 世尊诸y欣圆白光洁渐次?锋?利。是三十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư nha viên bạch quang khiết, tiệm thứ phong lợi. Thị tam thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Hàm răng của Thế Tôn trong sạch óng ánh, thơm sạch. Là ba mươi lăm.

**-ĐTĐ:** 三十五7875?者手U文明直谋。Tam thập ngũ giả, thủ văn minh trực. [Đường văn trong tay, sáng rõ ngay thẳng].

---o0o---

### **36/80 : Tướng Mắt Trong Xanh Sáng Rõ**

**-Kinh văn :** 世尊眼净青白分U明。是三十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tịnh thanh bạch phân minh. Thị tam thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Đôi mắt của Thế Tôn trong suốt, xanh trắng rõ ràng. Là ba sáu.

**-ĐTĐ:** 三十六者手U文长。ÄTam thập lục giả, thủ văn trường [Ba mươi sáu là, các vân tay dài].

---o0o---

### **37/80 : Tướng Mắt Đẹp Như Hoa Sen**

**-Kinh văn :** 世尊眼相修广譬如青莲华叶U 甚可爱乐U。是三十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tướng tu quảng thí như thanh liên hoa diệp, thậm khả ái nhạo. Thị tam thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Tướng đôi mắt Đức Thế Tôn to rộng ví như hoa lá của sen xanh, nhìn ngắm thật rất ưa mến. Là ba mươi bảy.

**-ĐTĐ:** 三十七者手U文不断。ÄTam thập thất giả, thủ văn bất đoạn. [Ba mươi bảy là, đường vân tay không có khoảng đứt].

---o0o---

### **38/80 : Tướng Lòng Mi Dài Mịn**

**-Kinh văn :** 世尊眼睫上下齐整稠密不白。是三十八。ë

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tiệp thượng hạ tề chỉnh điều mật bất bạch. Thị tam thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Hai hàng lông mi trên dưới của Thế Tôn lớp lang đều mật mịn và đen lánh. Là ba mươi tám.

**-ĐTD:** 三十八者一切恶斂心众生见者和悦诱。Tam thập bát giả, nhưt thiết ác tâm chúng sanh, kiến giả hòa duyệt. [Ba mươi tám là, tất cả chúng sanh nào có tâm xấu ác, khi nhìn thấy Phật tướng đều khởi tâm thuận hòa vui vẻ].

---o0o---

### **39/80 : Tướng Mày Dài Và Cong**

**-Kinh văn :** 世尊双眉长而不自致而细软。是三十九。Â

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi trường nhi bất bạch trí nhi tế nhuyễn. Thị tam thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Đôi hàng lông mày của Thế Tôn, cong dài và lông lánh mềm mại mịn màng. Là ba mươi chín.

**-ĐTD:** 三十九者面?广姝。Tam thập cửu giả, diện quảng xu. [Ba mươi chín là, gương mặt rộng mịn, rất đẹp].

---o0o---

### **40/80 : Tướng Mày Biếc Tợ Lưu Ly**

**-Kinh văn :** 世尊双眉绮靡?顺次?紺琉璃色。是第四十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi ỷ mị thuận thứ khám, lưu ly sắc. Thị đệ tứ thập.

**-Nghĩa kinh :** Đôi hàng lông mày của Thế Tôn xếp lớp mịn màng ánh lên màu sắc xanh sáng của lưu ly. Là thứ bốn mươi.

**-ĐTD:** 四十者面?净满如月。ÂTứ thập giả, diện tịnh mãn như nguyệt. [Bốn mươi là, mặt Ngài trong sáng đầy đặn sạch sẽ như trăng rằm].

---o0o---

### **41/80 : Tướng Đôi Mày Cong Tợ Trăng Non**

**-Kinh văn :** 世尊双眉高显0光润i形?如初月。是四十一禄。

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi cao hiển quang nhuận hình như sơ nguyệt. Thị tứ thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** Đôi mày của Thế Tôn, cao vút phát ánh quang tươi nhuận, giống như hình trăng non. (ở đầu tuần). Là bốn mươi mốt.

**-ĐTB:** 四十一者随?众生意β和悦与秒语。iTứ thập nhứt giả, tùy chúng sanh ý, hòa duyệt dữ ngữ. [Bốn mươi mốt là, lời dạy bảo của Thế Tôn, rất hòa vui thuận ý của chúng sanh].

---o0o---

### **42/80 : Tướng Vành Tai Dài Rộng**

**-Kinh văn :** 世尊耳厚d广大i修长轮U埤成就。是四十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhĩ hậu quảng đại tu trường luân thù thành tựu. Thị tứ thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Hai vành tai và trái tai của Thế Tôn, dày rộng tròn trịa và xủ sà xuống (ngang cằm). Là bốn mươi hai.

**-ĐTB:** 四十二者毛孔出u香气。øTứ thập nhị giả, mao khổng xuất hương khí.

[Bốn mươi hai là, các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm].

---o0o---

### **43/80 : Tướng Hai Trái Tai Rủ Như (Giọt Ngọc)**

**-Kinh văn :** 世尊两耳绮丽u齐平貌离众过失。是四十三。Ú

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng nhĩ ý lệ tề bình, ly chúng quá thất. Thị tứ thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Hai trái tai của Thế Tôn thật cân bằng và diễm lệ, khác hẳn tất cả “Tai” của mọi chúng thường tình. Là bốn mươi ba.

**-ĐTD:** 四十三者口出u无上香。P Tứ thập tam giả, Khâu xuất “Vô thượng hương”. [Bốn mươi ba là, miệng Ngài tỏa mùi thơm tuyệt diệu].

---o0o---

### **44/80 : Tướng Tôn Duy Ái Kinh**

**-Kinh văn :** 世尊容仪能令?见者无损无挪染皆0生爱敬。是四十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn dung nghi năng linh kiến giả vô tổn vô nhiễm giai sanh ái kính. Thị tứ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Dung mạo và nghi biểu của Thế Tôn, khiến người có duyên được nhìn ngắm phát sinh lòng yêu kính, liền được đức “Vô tổn vô nhiễm”. Là bốn mươi bốn.

**-ĐTD:** 四十四者仪容如师子芰。Tứ thập tứ giả, nghi dung như sư tử. [Bốn mươi bốn là, dung nghi thật oai nghiêm đại hùng lực (Dụ như sư tử)].

---o0o---

### **45/80 : Tướng Vân Trán Cao Quý**

**-Kinh văn :** 世尊额?广圆满平步正形?相殊e2妙?. 是四十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn ngạch quảng viên mãn, bình chánh hình tướng thù diệu. Thị tứ thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Vầng trán của Thế Tôn, rộng, tròn đầy, bằng thẳng, hình tướng thật là đặc thù màu nhiệm. Là bốn mươi lăm.

**-ĐTD:** 四十五7875?者进止如象笮王。Tứ thập ngũ giả, tân chỉ như tượng vương.

[Bốn mươi lăm là, đi đứng oai nghiêm đỉnh đạc].

---o0o---

### **46/80 : Tướng Oai Nghiêm Vô Đối**

**-Kinh văn :** 世尊身分U上半圆满。如狮子踰王威严无对隣。是四十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân phần thượng bán viên mãn như sư tử vương oai nghiêm vô đối. Thị tứ thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Phần thân trên của Thế Tôn, đầy đặn nở nang, oai nghiêm không ai sánh (như sư tử vương). Là bốn sáu.

**-ĐTD:** 四十六者行法如鹅王。Tứ thập lục giả, hành pháp như nga vương. [Bốn mươi sáu là, những bước đi đỉnh đặc, khoan thai (Dụ nga vương)].

---o0o---

### **47/80 : Tướng Tóc Xanh Biếc**

**-Kinh văn :** 世尊首发修长紺青稠密不白。是四十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát tu trường khảm thanh điều mật bất bạch. Thị tứ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Đầu tóc của Thế Tôn, sợi dài, óng ánh màu xanh biên biếc, không pha sợi bạc nào. Là bốn mươi bảy.

**-ĐTD:** 四十七者头如摩陀邈罗果。Tứ thập thất giả, đầu như ma-đà-la quả.

[Bốn mươi bảy là, đầu như trái ma-đà-la (Madana là thực vật gọi là mặt-đạt-na. Dịch là túy quả. Lớn như trái dứa, ăn dễ làm cho say, một loại dược thảo)].

---o0o---

### **48/80 : Tướng Tóc Xoay Hướng Phải**

**-Kinh văn :** 世尊首发香洁细软润i泽i旋转。是四十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát hương khiết tế nhuyễn nhuận trạch truyền chuyên .Thị tứ thập bát .

**-Nghĩa kinh :** Tóc của Thế Tôn, mịn lông lánh, xoáy quay về hướng phải. Là bốn mươi tám.

**-ĐTD:** 四十八者一切声分籙具足。Tứ thập bát giả, nhưt thiết thính phân cụ túc. [Bốn mươi tám là, tất cả bộ phận về “Thính” đều đầy đủ (Thính là tiếng / âm thính)].

---o0o---

### **49/80 : Tướng Tóc Không Rối Không Dính Bụi**

**-Kinh văn :** 世尊首发齐整无朕乱?亦不交杂ĩ嗜是四十九。£

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát tề chỉnh vô loạn diệt bất giao tạp. Thị tứ thập cửu

**-Nghĩa kinh :** Tóc trên đầu của Thế Tôn, bằng phẳng nhau, không rối, không dính nhiễm các vật từ ở ngoài. Là bốn mươi chín.

**-ĐTD:** 四十九者牙利。Tứ thập cửu giả, nha lợi. [Bốn mươi chín là, răng trong và sắc].

---o0o---

### **50/80 : Tướng Tóc Không Rơi Rụng**

**-Kinh văn :** 世尊首发坚固不断永无摧褫落。是第五7875?十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát kiên cố bất đoạn vĩnh vô đệ lạc. Thị đệ ngũ thập.

**-Nghĩa kinh :** Tóc của Thế Tôn rắn chắc, không đứt rời, không đổi màu và rơi rụng.

**-ĐTD:** 五7875?十者舌色赤。Ngũ thập giả, thiết sắc xích. [Năm mươi là, lưỡi màu hồng đỏ (chữ xích ở đây có nghĩa là đỏ hồng)].

---o0o---

### 51/80 : Tướng Tóc Sáng Lóng Lánh

**-Kinh văn :** 世尊首发光滑殊妙?尘垢不着。是五7875?十一。 »

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát quang hoạt thù diệu trần cấu bất trước. Thị ngũ thập nhưt.

**-Nghĩa kinh :** Tóc trên đầu của Thế Tôn, sáng lánh và thật đặt biệt không bao giờ dính lên bụi bặm (trần cấu). Là năm mươi một.

**-ĐTB:** 五7875?十一者舌薄。 »Ngũ thập nhưt giả, thiết bạc. [Năm mươi một là, lưỡi mỏng và rộng ].

---o0o---

### 52/80 : Tướng Thân Na-La-Diên

**-Kinh văn :** 世尊身分U坚固充实逾那罗延鉦。是五7875?十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân phần kiên cố sung thật du na-la-diên. Thị ngũ thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể của Thế Tôn thật đầy đủ tính kiên cố, như “na-la-diên”. Hán dịch là “kiên cố” thân. Là năm mươi hai.

**-ĐTB:** 五7875?十二者毛红色。Ngũ thập nhị giả, mao hồng sắc. [Năm mươi hai là, lông sắc hồng].

---o0o---

### 53/80 : Tướng Thân Thẳng Cao Lớn

**-Kinh văn :** 世尊身体长大i端直。是五7875?十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân thể trường đại đoan trực. Thị ngũ thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể của Thế Tôn, cao lớn, đoan nghiêm và ngay thẳng. Là năm mươi ba.

**-ĐTB:** 五7875?十三者毛洁淨。Ngũ thập tam giả, mao cát tịnh. [Năm mươi ba là, lông đẹp mềm mại sạch sẽ].



---o0o---

### **54/80 : Tướng Các Khiếu Mạch Trong Sạch**

**-Kinh văn :** 世尊诸y窍清净圆好。是五7875?十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư khiếu thanh tịnh viên hảo. Thị ngũ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Các khiếu mạch của Thế Tôn tròn đẹp và trong sạch. Là năm mươi bốn.

**-ĐTB:** 五7875?十四者广长眼。Ngũ thập tứ giả, quảng trường nhãn. [Năm mươi bốn là, đôi mắt rộng và dài].

---o0o---

### **55/80 : Tướng, Các Tướng Đều Là Thù Thắng**

**-Kinh văn :** 世尊身支势?力殊e2胜无与握等者是五7875?十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi thế lực thù thắng vô dũ đẳng giả. Thị ngũ thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể và năng lực của Thế Tôn khác biệt hơn tất cả, không ai có so sánh. Là năm mươi lăm.

**-ĐTB:** 五7875?十五7875?者孔门相具足。Ngũ thập ngũ giả, không môn tướng cụ túc.

[Năm mươi lăm là, tướng môn của các lỗ (khiếu mạch) thông đều đầy đủ].

---o0o---

### **56/80 : Tướng Nhìn Không Nhàm Chán**

**-Kinh văn :** 世尊身相众所乐触观赏无厌足。是五7875?十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân tướng chúng sở nhạo quan thường vô yếm túc. Thị ngũ thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Thân tướng của Thế Tôn, các cõi chúng nhân đều ưa nhìn ngắm, không hề muốn thôi. Là năm mươi sáu.

**-ĐTD:** 五7875?十六者手U足赤白如莲华色。Ngũ thập lục giả, thủ túc xích bạch, như liên hoa sắc. [Năm mươi sáu là, màu da hồng trắng của tay chân, như đóa hoa sen].

---o0o---

### **57/80 : Tướng Mặt Tọ Trăng Tròn**

**-Kinh văn :**

世尊面?轮U修广得所皎洁光净如秋满月。是五7875?十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện luân tu quảng đắc sở hiếu khiết quang tịnh như thu mãn nguyệt. Thị ngũ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Khuôn diện của Thế Tôn tròn chính chói sáng trong sạch, như trăng đầy mùa thu. Là năm mươi bảy.

**-ĐTD:** 五7875?十七者赅7849?不出u。Ngũ thập thất giả, tê bất xuất. [Năm mươi bảy là, rún (rón) không nhô (lòi) mà ẩn sâu].

---o0o---

### **58/80 : Tướng Dung Nhan Sáng Rõ**

**-Kinh văn :**

世尊颜貌舒?泰光显0。含笑先言0唯向?不背。是五7875?十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhan mạo thư thái quang hiển hàm tiếu tiên ngôn duy hướng bất bối. Thị ngũ thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Dung nhan, diện mạo của Thế Tôn, thư thái sáng tỏ, mỉm cười trước khi nói, âm vang khắp chỗ thuận ý chúng sanh. Là năm mươi tám.

**-ĐTD:** 五7875?十八者腹不现U。Ngũ thập bát giả, phúc bất hiện. [Năm mươi tám là, bụng thon].

---o0o---

### **59/80 : Tướng Diện Mạo Tươi Vui**

**-Kinh văn :**

世尊面?貌光泽纒7869?怡。远离颦董蹙青赤等过。是五7875?十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện mạo quang trạch hy di viễn ly tàn thích thanh xích đảng quá. Thị ngũ thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Gương mặt của Thế Tôn, sáng rỡ vui tươi, không tí vết nhăn nám, sắc tươi đẹp xanh hồng là hơn tất cả.*

**-ĐTD:** 五7875?十九者细腹。Ngũ thập cửu giả, tế phúc. [Năm mươi chín là, bụng nhỏ mịn].

---o0o---

### **60/80 : Tướng Mặt Da Trong Sạch Sáng Láng**

**-Kinh văn :** 世尊身皮清淨无ま垢常无臭辭秽。是第六十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân bì thanh tịnh vô cấu thường vô xú uế. Thị đệ lục thập

**-Nghĩa kinh :** *Mặt da trên thân của Thế Tôn, trong sạch sáng láng, không chút dơ uế. Là sáu mươi.*

**-ĐTD:** 六十者身不倾动。Lục thập giả, thân bất khuynh động. [Sáu mươi là, thân không nghiêng lắc lay động].

---o0o---

### **61/80 : Các Sợi Lông Điều Tỏa Hương Thơm**

**-Kinh văn :**

世尊所有诸y忻孔中·。常出u如意微猗妙?之香。是六十一·。

**-Lời kinh :** Thế Tôn sở hữu chư mao khổng trung thường xuất như ý vi diệu chi hương. Thị lục thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Tất cả các gốc lông chân lông của Thế Tôn, thường tỏa ra mùi thơm vi diệu như ý. Là sáu mươi một.*

**-ĐTD:** 六十一者身持籙重。Lục thập nhứt giả, thân trì trọng. [Sáu mươi một là, thân vững trâm hùng].

---o0o---

### **62/80 : Tướng Diệu Hương Tỏa Thơm Từ Mặt**

**-Kinh văn :** 世尊面?门常出u最?上殊e2胜之香。是六十二。®

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện môn thường xuất tối thượng thù thắng chi hương. Thị lục thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Trên khuôn mặt của Thế Tôn luôn bay tỏa mùi hương tối thượng thù thắng. Là sáu mươi hai.*

**-ĐTD:** 六十二者其身分籙大i。Lục thập nhị giả, kỳ thân phần đại. [Sáu mươi hai là, vóc thân lớn].

---o0o---

### **63/80 : Tướng Đầu Tròn Đẹp**

**-Kinh văn :** 世尊首相周圆懿妙?好。如末达那亦犹唾天盖。是六十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ tướng châu viên diệu hảo như mặt-đạt-na diệt du thiên cái. Thị lục thập tam.

**-Nghĩa kinh :** *Tướng đầu của Thế Tôn, tròn đầy mâu nhiệm khéo đẹp lạ thường. Là sáu mươi ba.*

**-ĐTD:** 六十三者身长。Lục thập tam giả, thân trường. [Sáu mươi ba là, thân thể cao].

---o0o---

## 64/80 : Tướng Màu Lông Xanh Biếc

**-Kinh văn :**

世尊身毛紺青光淨。如孔雀项?。红晖绮饰?色类赤铜。是六十四

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân mao khám thanh quang tịnh như không tước hạn hồng huy ý sức sắc loại xích đồng. Thị lục thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Màu lông lông trên thân của Thế Tôn, xanh biên biếc, sạch sẽ lông lánh ánh quang, như pha trộn nhiều sắc thể ánh hồng, đồng đỏ cùng trang sức (như cổ chim không tước [công]). Là sáu mươi bốn.

**-ĐTD:** 六十四者手足净洁软泽。Lục thập tứ giả, thủ túc tịnh cát nhuyễn trạch. [Sáu mươi bốn là, tay chân trong sạch, tươi nhuận mềm mại].

---o0o---

## 65/80 : Pháp Âm Thế Tôn Xa Gần Đều Rõ

**-Kinh văn :**

世尊法音oĩư大藻小。不增ư不减应理无· 差?。是六十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn pháp âm tùy chúng đại tiểu, bất tăng bất giảm ứng lý vô sai. Thị lục thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Pháp âm của Thế Tôn, tùy theo chúng nhiều hay ít, không luận xa gần, ứng lý khế cơ nghe không nhầm lẫn. Là sáu mươi lăm.

**-ĐTD:** 六十五7875?者边光各一丈。»Lục thập ngũ giả, biên quang các nhứt trượng. [Sáu mươi lăm là, xung quanh thân, ánh hào quang tỏa rộng một trượng].

---o0o---

## 66/80 : Đánh Tướng Mâu Nhiệm

**-Kinh văn :** 世尊顶相无能见者。是六十六。Đ

**-Lời kinh :** Thế Tôn đánh tướng vô năng kiến giả. Thị lục thập lục.

**-Nghĩa kinh :** *Đánh tướng của Thế Tôn không thấy được. Là sáu mươi sáu. (phàm phu và hàng sơ quả càng cố ngược để mà nhìn thì “Đánh Tướng” càng cao và chỉ thấy chói sáng mà thôi).*

**-ĐTD:** 六十六者光照身而行。 Lục thập lục giả, quang chiếu thân nhi hành. [Sáu mươi sáu là, khi đi có hào quang tỏa sáng khắp châu thân].

---o0o---

### **67/80 : Tướng Móng Tay Chân Như Màu Đồng Đỏ**

**-Kinh văn :**

世尊手足指约讎分U明。庄严妙?好如赤铜色。是六十七。 B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc, chỉ ước phân minh, trang nghiêm diệu hảo, như xích đồng sắc. Thị lục thập thất.

**-Nghĩa kinh :** *Móng tay chân của Thế Tôn sáng rõ, màu như màu đồng đỏ tuyệt hảo và trang nghiêm. Là sáu mươi bảy.*

**-ĐTD:** 六十七者等视邈众生U。 Lục thập thất giả, đẳng quán chúng sanh. [Sáu mươi bảy là, xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng].

---o0o---

### **68/80 : Chân Tuy Cách Đất, Vẫn Hiện Ấn Văn**

**-Kinh văn :** 世尊行时其足去地。如四指涓量而现U印文入。是六十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn hành thời kỳ túc khứ địa. Như tứ chỉ lượng nhi hiện ấn văn. Thị lục thập bát.

**-Nghĩa kinh :** *Bước đi của Thế Tôn đều cách đất bốn tấc, mà vẫn hiện rõ ấn văn (ấn văn là hình thiên bức). Là sáu mươi tám.*

**-ĐTD:** 六十八者不轻众生。 ULục thập bát giả, bất khinh chúng sanh. [Sáu mươi tám là, quý trọng tất cả chúng sanh].

---o0o---

## 69/80 : Tướng Tự Trì và Tự Liệu

**-Kinh văn :**

世尊自<sub>0</sub>持<sub>U</sub>不待他卫。身无播倾动亦不透郎迤<sub>?</sub>。是六十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tự trì bất đãi tha vệ, thân vô khuynh động, diệc bất yêu đà. Thị lục thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Mỗi cử động Thế Tôn tự lo liệu không nhờ vào người khác, tuy vậy vẫn vững vàng không lay động, không xiên vẹo. Là sáu mươi chín.*

**-ĐTD:** 六十九者随<sub>?</sub>众生音<sub>o</sub>谏不过不减。Lục thập cửu giả, tùy chúng sanh âm thanh, bất quá bất giảm. [Sáu mươi chín là, âm thanh vừa nghe cho chúng sanh, không to không nhỏ].

---o0o---

## 70/80 : Tướng Oai Đức Vô Lượng

**-Kinh văn :**

世尊威德远震一痘切。恶<sub>d</sub>心见喜恐<sub>U</sub>怖见安。是第七十。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn oai đức viễn chấn nhất đẩu thiết. 恶<sub>d</sub> tâm kiến hỷ, khủng bố kiến an. Thị đệ thất thập.

**-Nghĩa kinh :** *Oai đức của Thế Tôn viễn chấn khắp mọi nơi, kẻ ác tâm thấy lòng hoan hỷ, người lo sợ thấy lòng thường an. Là bảy mươi.*

**-ĐTD:** 七十者说法不差<sub>?</sub>。 Thất thập giả, thuyết pháp bất sai. [Bảy mươi là, thuyết pháp đều hợp chân lý].

---o0o---

## 71/80 : Tiếng Nói Của Phật Làm Hòa Duyệt Tất Cả

**-Kinh văn :**

世尊音<sub>o</sub>声不高不下。随<sub>?</sub>众生意β 和悦与秒言<sub>0</sub>。是七十一味。

**-Lời kinh :** Thế Tôn âm thanh bất cao bất hạ. Tùy chúng sanh ý hòa duyệt dư ngôn. Thị tất thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Thinh âm của Thế Tôn luôn luôn hòa duyệt tùy theo tâm ý của chúng sanh. Là bảy mươi mốt.*

**-ĐTĐ:** 七十一喏者随?众生语随言0而为说法。 “Thất thập nhứt giả, tùy chúng ngữ ngôn, nhi vi thuyết pháp. [Bảy mươi mốt là, tùy theo ngôn ngữ của chúng sanh mà nói pháp].

---o0o---

### **72/80 : Âm Ngữ Của Phật Điều An Lạc Tất Cả**

**-Kinh văn :** 世尊能随?诸yĩ情类。言0音oĩ乐U而为说法。是七· 十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn năng tùy chư hữu tình loại, ngôn âm ý lạc, nhi vi thuyết pháp. Thị tất thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Những lời thuyết pháp của Thế Tôn, luôn thuận theo căn trí các loại hữu tình đem cho họ niềm an vui lợi lạc. Là bảy mươi hai.*

**-ĐTĐ:** 七十二者一喏发音o报众声。 ÚThất thập nhị giả, nhứt phát báo chúng thinh. [Bảy mươi hai là, mỗi khi phát âm, đều hợp âm thức với chúng sanh].

---o0o---

### **73/80 : Tùy Loại Chúng Sanh Nghe Pháp Điều Giải Thoát**

**-Kinh văn :** 世尊一音o恍说正法。随?有情类各令?得解。是七十三。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhứt âm diễn thuyết chánh pháp, tùy hữu tình loại, các linh đắc giải. Thị tất thập tam.

**-Nghĩa kinh :** *Mỗi lời mỗi lời diễn nói của Thế Tôn đều y như chánh pháp, theo trình độ các loại khiến thấu hiểu rõ ràng. Là bảy mươi ba.*



**-ĐTB:** 七十三者次?第有因iO说法。ĐThất thập tam giả, thứ đệ hữu nhân duyên thuyết pháp. [Bảy mươi ba là, tuần tự (quán cơ) hợp đủ nhân duyên mà nói pháp].

---o0o---

### **74/80 : Đức Tướng Thuyết Pháp Lời Lời Điều Toàn Thiện**

**-Kinh văn :** 世尊说法咸依次?第。必有因iO言蠶无不善?。是七十四。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thuyết pháp hàm y thứ đệ, tất hữu nhơn duyên, ngôn vô bất thiện. Thị vi thất thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** *Lời thuyết pháp của Thế Tôn theo thứ lớp hợp cơ duyên của chúng sanh mà nói, tất cả lời điều toàn thiện. Là bảy mươi bốn.*

**-ĐTB:** 七十四者一咲切众生不能尽观相。ÚThất thập tứ giả, nhứt thiết chúng sanh bất năng tận quán tướng. [Bảy mươi bốn là, tất cả chúng sanh nhìn ngắm thân tướng của Phật, mà chẳng bao giờ nhìn ngắm cho cùng tận được].

---o0o---

### **75/80 : Đức Tướng Bình Đẳng Yêu Thương Chúng Sanh**

**-Kinh văn :**

世尊等观诸yĩ情类。赞善?毁恶d而无爱憎搦。是七十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn đẳng quán chư hữu tình loại, tán thiện hủy ác nhi vô ái tắng. Thị thất thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Đức Thế Tôn quán thấy các loài hữu tình, ngợi khen người làm lành, quở trách người làm ác ! Nhưng tuyệt nhiên không hề mang lòng yêu ghét. Là bảy mươi lăm.*

**-ĐTB:** 七十五7875?者观者无厌足。PThất thập ngũ giả, quán giả vô yếm túc.

[Bảy mươi lăm là, nhìn ngắm không thấy nhàm chán].

---o0o---

### **76/80 : Tướng Phạm Hạnh Đầy Đủ**

**-Kinh văn :** 世尊所为先观后徇作。轨范具足令?识善?净。是七十六。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn sở vi, tiên quán hậu tác, quỹ phạm cụ túc, linh thức thiện tịnh. Thị thất thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Đức Thế Tôn Ngài làm việc gì, quán xét trước, biết rõ đều thiện tịnh, đầy đủ qui tắc, sau đó mới làm. Là hạnh hảo bảy mươi sáu.

**-ĐTD:** 七十六者发长好。β Thất thập lục giả, “Phát Trường Hảo”. [Bảy mươi sáu là, tóc dài và xinh đẹp].

---o0o---

### **77/80 : Chúng Sanh Không Thể Thấy Cùng Tận Được Tướng Tốt**

**-Kinh văn :** 世尊相好一切有恖情无能观尽。是七捱十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn tướng hảo nhưt thiết hữu tình vô năng quán tận. Thị thất thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Tướng hảo của Thế Tôn, tất cả loài hữu tình dù quán xét thế nào, cũng không sao biết hết được. Đó là bảy mươi bảy.

**-ĐTD:** 七十七捱者发不乱?。 Thất thập thất giả, phát bất loạn. [Bảy mươi bảy là, tóc không bao giờ rối].

---o0o---

### **78/80 : Tướng Xương Trán Tròn, Tóc Xoắn Tròn**

**-Kinh văn :** 世尊顶骨坚实圆满。是七策十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn đánh cốt kiên thật viên mãn. Thị vi thất thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Xương đánh cốt của Thế Tôn cứng chắc tròn đầy. Là bảy mươi tám.

**-ĐTĐ:** 七十八者发旋好。βThất thập bát giả, phát truyền hảo tướng. [Bảy mươi tám là, tóc xoắn rất đẹp].

---o0o---

### **79/80 : Màu Tóc Đẹp Như Ngọc Thanh Châu**

**-Kinh văn:** 世尊颜容常少不老好巡 处。是七十九。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhan dung thường thiếu bất lão hảo tuần. Thị vi thất thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Dung nhan của Thế Tôn hằng thường, không tỏ hiện ra nét lão của sự già nua, dù tuổi Ngài đã cao. Đó là hảo tướng bảy mươi chín.*

**-ĐTĐ:** 七十九者发色好如青珠唎。Thất thập cửu giả, phát sắc hảo như thanh châu. [Bảy mươi chín là, màu tóc mượt và xanh đẹp như ngọc “Thanh-châu”. (Ngọc thanh châu màu xanh biếc)].

---o0o---

### **80/80 : Tay Chân Hồng Ngực Đều Đủ Đức Tướng Cát Tường**

**-Kinh văn :**

世尊手U足及胸臆前。俱7877?有吉祥喜旋德相。文心同绮画色类朱丹。是第八十。善?现U。是名八十随?好。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc cập hung ức tiền, cu hữu cauc tường hỷ truyền đức tướng, văn đồng ỷ hoạch sắc loại châu đơn. Thị vi bát thập tùy hảo.

**-Nghĩa kinh :** *Tay chân và hông ngực phía trước của Đức Thế Tôn, có đầy đủ đức tướng cát tường, màu sắc mịn màng tươi tắn hồng hào. Đó là tùy hảo tám mươi.*

*Thiện Hiện, Như Lai bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, thành tựu tất cả hảo tướng, hào quang chung quanh thân Phật, chiếu soi ba ngàn thế giới lớn, không nơi nào là không cùng khắp...*

**-ĐTĐL :**

八十者手足有德相。须善行提。是八十随形好。佛身成就如是。须菩提。善行萨摩诃萨以二施摄取众生。所谓谓财施法施。...

Bát thập giả thủ túc hữu đức tướng, Tu Bồ Đề, thị bát thập tùy hình hảo, Phật thân thành tựu như thị. Tu Bồ Đề, Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ nhị thí nhiếp thủ chúng sanh, sở vị tài thí pháp thí ... [Tám mươi là, cả tay chân cũng có đức tướng của nó, này Tu Bồ Đề, đó là “tám mươi, tùy hình hảo”. Thân Phật thành tựu như vậy đó. Tu Bồ Đề, bậc Bồ Tát lớn thực thi “Hai Pháp Thí” để nhiếp độ cho chúng sanh, thành được Phật đạo. Hai pháp thí đó là : Tài-thí và Pháp-thí vậy]...

---o0o---

### **DO NHÂN HẠNH GÌ MÀ CÓ CÁC TƯỚNG HẢO ?**

Nói về công hạnh độ sanh của Chư Phật, Bồ Tát. Tất cả hạnh trọng yếu trong việc tu nhơn thì “Bố Thí Độ” coi như là được Đức Phật tán thán là hơn cả. Ngay như, do nhân duyên gì mà được 32 tướng tốt?

- Đức Từ Phụ dạy : Tâm bố thí mà kiên định, thành kính hướng về tha nhân, không đợi chờ họ nói ra lời những gì họ mong muốn được bố thí. Người phát tâm phải xét đoán biết ý cầu mong của họ và mở hết lòng rộng lớn thương kính cần cầu cung cấp cho người, không một mảy may trước tâm. Bố thí như vậy, thì người đó vì, do tâm kiên định nên được thiện báo : Tay chân mềm mại, tướng hảo đoan nghiêm, tay dài tới gối, chân có luân tướng, mắt sáng răng trong v.v... và đầy đủ các tướng hảo.

Tóm lại, tướng hảo không phải mục đích mong cầu của sự tu hành, điều chính thật là “Thoát ly sanh tử luân hồi”. Nhưng vì tâm nguyện cứu độ chúng sanh quá lớn nên có thiện quả về hảo tướng thế thôi. Tuy nhiên, cung kính, đánh lễ, tán thán Tướng tốt của Phật cũng là một thiện quả không nhỏ đối với các công hạnh tu nhơn của người Phật-tử trên bước đường tu trì vậy.

**Ngày lễ mừng, nhớ về 48 Đại nguyện Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.**

Nhâm-Ngo, 17.11. Âm-Lịch . VL. 4882.

(Muốn nghiên cứu thêm xin xem – Kinh Tạp A Hàm Q-4; Vô Thượng Y Q-hạ phẩm Như Lai Công Đức; Kinh Quán Phật Tam Muội Hải Q1; và Tứ Phần Luật Q- 51).

Nam Mô Như Lai Cụ Túc Tam Thập Nhị Tướng Bát Thập Chúng Hảo Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn Tam Bái.

---o0o---

Hết